

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
QUẢNG NAM**

KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2018-2019

Môn: NGŨ VĂN – Lớp 10

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

*Rồi, hóng mát thuở ngày trường,
Hòe lục đùn đùn tán rợp giương.
Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ,
Hồng liên trì đã tiễn mùi hương.
Lao xao chợ cá làng ngư phủ,
Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương.
Dễ có Ngu cầm đàn một tiếng,
Dân giàu đủ khắp đòi phương.*

(Cảnh ngày hè, Nguyễn Trãi, SGK Ngữ văn 10, tập 1,
NXB Giáo dục 2009, trang 118)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản. (0,5 điểm)

Câu 2. Trong câu thơ “*Rồi, hóng mát thuở ngày trường*”, từ “*Rồi*” có nghĩa như thế nào? (0,5 điểm)

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được dùng trong câu thơ: “*Lao xao chợ cá làng ngư phủ*”. (1,0 điểm)

Câu 4. Anh/Chị hãy nêu ngắn gọn vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi được thể hiện qua bài thơ. (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài văn trình bày cảm nghĩ của mình về quê hương.

- Hết -

Lưu ý: Giám thị không giải thích gì thêm.

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
QUẢNG NAM**

KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2018 - 2019

Môn: NGŨ VĂN – Lớp 10

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

HƯỚNG DẪN CHẤM
(*Hướng dẫn chấm này có 02 trang*)

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Thầy cô giáo cần nắm vững yêu cầu của *Hướng dẫn chấm* này để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh. Do đặc trưng của môn Ngữ văn, thầy cô giáo cần linh hoạt trong quá trình chấm, tránh đếm ý cho điểm, khuyến khích những bài viết sáng tạo.

- Việc chi tiết hóa điểm số của các câu (nếu có) trong *Hướng dẫn chấm* phải được thống nhất trong tổ chấm và đảm bảo không sai lệch với tổng điểm toàn bài.

- Bài thi được chấm theo thang điểm 10. Điểm thành phần tính đến 0,25. Điểm tổng toàn bài làm tròn theo quy định.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

PHẦN	NỘI DUNG	ĐIỂM
I. Đọc hiểu		3.0
Câu 1	Phương thức biểu đạt chính: Phương thức biểu cảm/ biểu cảm	0.5
Câu 2	Từ “ <i>Rồi</i> ” được dùng trong câu thơ với nghĩa là: rồi rãi/ rảnh rồi	0.5
Câu 3	- Biện pháp tu từ: Đảo ngữ - Tác dụng: Nhấn mạnh âm thanh <i>lao xao</i> , làm nổi bật nhịp sống sôi động của làng chài.	0.5 0.5
Câu 4	Vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ: - Tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống - Tấm lòng ưu ái với dân, với nước <i>* Học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, miễn là đúng với tinh thần của đáp án</i>	1.0
II. Làm văn	Anh/ Chị hãy viết bài văn trình bày cảm nghĩ của mình về quê hương	7.0
* Yêu cầu chung - Học sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để viết bài văn biểu cảm. - Bài viết phải có bố cục đầy đủ, chặt chẽ, rõ ràng; diễn đạt mạch lạc; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.		
* Yêu cầu cụ thể		
1.	Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm gồm: mở bài, thân bài và kết bài.	0.5
2.	Xác định đúng yêu cầu biểu cảm: Cảm nghĩ về quê hương.	0.5
3.	Triển khai vấn đề:	

- Sử dụng phương thức biểu đạt chính là biểu cảm, kết hợp vận dụng linh hoạt các phương thức biểu đạt khác. - Học sinh có thể trình bày cảm nghĩ theo nhiều cách khác nhau, song bài làm cần đảm bảo được các ý sau:	
a. Giới thiệu về quê hương	1.0
b. Cảm nghĩ về quê hương: - Trình bày cảm xúc, ấn tượng sâu sắc của bản thân về quê hương. - Thấy được vai trò, ý nghĩa của quê hương đối với cuộc sống của bản thân. - Xác định được trách nhiệm đối với quê hương.	4.0
4. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, thể hiện cảm nghĩ chân thành, sâu sắc....	0.5
5. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc, chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0.5
ĐIỂM TOÀN BÀI THI: I + II	10.0

SỞ GD&ĐT ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG THPT GIA NGHĨA
ĐỀ CHÍNH THỨC

KIỂM TRA HỌC KỲ I
Năm học: 2017 - 2018
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 (CƠ BẢN)
Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

I. Đọc hiểu (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

*Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại nào của văn học dân gian Việt Nam?

Câu 2. Hãy nêu nội dung, ý nghĩa của văn bản trên.

Câu 3. Xác định và nêu tác dụng biện pháp tu từ từ vựng được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 4. Bài ca dao trên ca ngợi công ơn lớn lao của cha mẹ và khuyên răn con cái phải có thái độ hiếu kính đối với cha mẹ. Anh (chị) hãy viết đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ về vấn đề trên.

II. Làm văn (6,0 điểm)

Phân tích bài thơ "Cảnh ngày hè" (Bảo kính cảnh giới, số 43) của Nguyễn Trãi.

*Rồi hóng mát thuở ngày trường,
Hoè lục đùn đùn tán rợp giương.
Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ,
Hồng liên trì đã tiễn mùi hương.
Lao xao chợ cá làng ngư phủ,
Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương.
Dẽ có Ngu cầm đàn một tiếng,
Dân giàu đủ khắp đòi phương.*

(Theo *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập II - *Văn học thế kỉ X - thế kỉ XVII*, Sdd)

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I. Đọc hiểu	Câu 1	Văn bản trên thuộc thể loại ca dao của văn học dân gian Việt Nam	0.5
	Câu 2	Nội dung, ý nghĩa bài ca dao: Bài ca dao trên ca ngợi công ơn lớn lao của cha mẹ và khuyên răn con cái phải có thái độ hiếu kính đối với cha mẹ.	1.0
	Câu 3	Xác định và nêu tác dụng biện pháp tu từ từ vựng được sử dụng trong văn bản trên: - BPTT so sánh: + Công cha được so sánh với núi Thái Sơn. + Nghĩa mẹ được so sánh với nước trong nguồn. - Tác dụng: Ca ngợi công ơn lớn lao của cha mẹ đối với con cái.	1.0
	Câu 4 Yêu cầu về kĩ năng và kiến thức	- Thể loại: Đoạn văn NLXH. - Hình thức: Biết cách trình bày một đoạn văn nghị luận. - Nội dung: Hs có thể trình bày đoạn văn bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những nội dung chính sau đây: + Công ơn lớn lao của cha mẹ đối với con cái như núi cao, biển rộng. + Phận làm con cần phải có thái độ thương yêu, kính trọng và hiếu thảo đối ông bà, cha mẹ. Đồng thời cần phải có những hành động thiết thực trong cuộc sống để thể hiện tấm lòng hiếu thảo của mình đối với ông bà, cha mẹ: Biết quan tâm, chăm sóc cha mẹ; Cố gắng học tập cho giỏi...	1.5

<p>II. Làm văn</p>	<p>Yêu cầu chung</p>	<p>1. Yêu cầu về kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Biết cách làm bài văn nghị luận văn học về một tác phẩm thơ • Bố cục 3 phần rõ ràng • Lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp. <p>2. Yêu cầu về kiến thức: Trên cơ sở kiến thức về nhà văn, về tác phẩm, thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cơ bản nêu được các ý sau:</p>	
	<p>Yêu cầu về kiến thức và kĩ năng</p>	<p>1. Giới thiệu vấn đề cần nghị luận Nguyễn Trãi là nhà thơ lớn của dân tộc, để lại nhiều sáng tác có giá trị.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bài <i>Cảnh ngày hè</i> là bài thơ tiêu biểu trong tập Quốc âm thi tập, bài thơ là bức tranh thiên nhiên sinh động ngày hè và nổi bật lên là vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi trong bài thơ: yêu đời, yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống và tấm lòng yêu nước thiết tha, cháy bỏng. <p>2. Phân tích, chứng minh</p> <p>* Bức tranh thiên nhiên ngày hè:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Với tình yêu thiên nhiên nồng nàn, cùng với tâm hồn tinh tế, nhạy cảm tác giả đã đón nhận thiên nhiên bằng các giác quan: thị giác, thính giác, khứu giác... <ul style="list-style-type: none"> • Các hình ảnh: hoa hòe, thạch lựu, hoa sen. • Âm thanh: tiếng ve. • Mùi hương: của hoa sen. • Nghệ thuật: <ul style="list-style-type: none"> • Các động từ: đùn đùn, phun + tính từ tiến. • Hình ảnh gần gũi, dân dã với cuộc sống. <p>-> Nhận xét: Bức tranh chân thực mang nét đặc trưng của mùa hè ở thôn quê, kết hợp hài hòa đường nét và màu sắc. Bức tranh thiên nhiên sinh động, tràn đầy sức sống (nguồn sống ấy được tạo ra từ sự thôi thúc tự bên trong, đang ứ căng, tràn đầy trong lòng thiên nhiên vạn vật, khiến chúng phải "giương lên", "phun" ra hết lớp này đến lớp khác.</p> <p>* Bức tranh cuộc sống sinh hoạt và tấm lòng với dân, với nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hướng về cuộc sống lao động, cuộc sống sinh hoạt của nhân dân: <ul style="list-style-type: none"> • Hình ảnh: chợ cá làng ngư phủ -> cuộc sống tập nập, đông vui, ồn ào, no đủ. • Âm thanh: lao xao -> Từ xa vọng lại, lắng nghe âm thanh của cuộc sống, quan tâm tới cuộc sống của nhân dân. <p>-> Bức tranh miêu tả cuối ngày nhưng không gợi cảm giác ảm đạm. Bởi ngày sắp tàn nhưng cuộc sống không ngừng lại, thiên nhiên vẫn vận động với cuộc sống dồi dào, mãnh</p>	<p>0.5</p> <p>3.0</p> <p>2.0</p>

	<p>liệt, bức tranh thiên nhiên vẫn rộn rã những âm thanh tươi vui.</p> <ul style="list-style-type: none">• Mong ước khát vọng cho nhân dân khắp mọi nơi đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc:<ul style="list-style-type: none">• Ước muốn có chiếc đàn của vua Thuấn để gảy lên khúc nam phong ca ngợi cuộc sống no đủ của nhân dân. Tấm lòng ưu ái với nước.• Câu cuối: câu lục ngôn ngắt nhịp 3/3 âm hưởng đều đặn đã thể hiện khát vọng mạnh mẽ của Nguyễn Trãi <p>3. Bài thơ cho thấy về đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi - người anh hùng dân tộc: yêu thiên nhiên và luôn nặng lòng với dân với nước.</p>	<p>0.5</p>
--	---	-------------------

SỞ GD&ĐT CÀ MAU

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I, NĂM HỌC 2017 – 2018

TRƯỜNG THPT PHAN NGỌC HIỂN

MÔN: NGỮ VĂN KHỐI 10

THỜI GIAN: 90 PHÚT

Không kể thời gian giao đề

I. PHẦN ĐỌC – HIỂU (3,0 điểm)

Rồi, hóng mát thuở ngày trường,

Hòe lục đùn đùn tán rợp giương.

Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ

Hồng liên trì đã tiễn mùi hương.

Lao xao chợ các làng ngư phủ,

Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương.

Dẽ có Ngu cầm đàn một tiếng,

Dân giàu đủ, khắp đòi phương.

(Cảnh ngày hè – Nguyễn Trãi, SGK Ngữ văn 10, NXB giáo dục 2006)

Câu 1 (0,5 điểm) Nêu tác dụng của những từ *đùn đùn*, *giương*, *tiễn* trong việc miêu tả bức tranh cảnh ngày hè?

Câu 2 (1,0 điểm) Những sự vật nào được gọi ra trong bài thơ để tả bức tranh cảnh ngày hè?

Câu 3 (1,0 điểm) Nêu nội dung chính của bài thơ.

Câu 4 (0,5 điểm) Câu kết sáu chữ, thể hiện cảm xúc, khát vọng gì của nhà thơ?

PHẦN II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ tấm lòng yêu nước, thương dân của nhà thơ Nguyễn Trãi qua bài thơ *Cảnh ngày hè*, hãy viết một đoạn văn nghị luận ngắn (khoảng 200 chữ) bàn về *Trách nhiệm tuổi trẻ đối với đất nước*.

Câu 2 (5,0 điểm)

Kể lại một kỉ niệm sâu sắc của em về tình cảm gia đình hoặc tình bạn, tình thầy trò theo ngôi kể thứ nhất./.

-----HẾT-----

SỞ GD & ĐT CÀ MAU
Trường THPT Phan Ngọc Hiển

ĐÁP ÁN, THANG ĐIỂM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN – KHỐI 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Tác dụng của những từ <i>đùn đùn, giương, tiễn</i> trong việc miêu tả bức tranh cảnh ngày hè. Giúp người đọc cảm nhận được sự sống căng tràn, tuôn trào trong cây cỏ, hoa lá – dù đang thời điểm cuối ngày.	0,5
	2	Những sự vật được gọi ra trong bài thơ để tả bức tranh cảnh ngày hè: cây hòe màu xanh, thạch lựu nở hoa màu đỏ, hoa sen hồng trong ao thơm ngát, tiếng ve ngân nga như thiếng đàn.	1,0
	3	Nội dung chính: tình yêu thiên nhiên, cuộc sống; tấm lòng nhà thơ đối với dân, với nước.	1,0
	4	Cảm xúc dồn nén, kết tụ, khao khát cuộc sống no ấm cho người dân ở khắp mọi nơi.	0,5
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Trình bày suy nghĩ về <i>Trách nhiệm tuổi trẻ đối với đất nước</i>	2,0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Học sinh có thể trình bày đoạn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> <i>Trách nhiệm tuổi trẻ đối với đất nước.</i>	0,25

	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i>	1,0
	<p>Học sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ lối sống thực dụng đang làm băng hoại đạo đức của con người, đặc biệt là giới trẻ hiện nay. Có thể theo hướng sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Mỗi cá nhân cần có trách nhiệm với bản thân, gia đình và đất nước, nhất là thế hệ thanh niên cũng luôn phải ý thức vai trò trách nhiệm của mình đối với đất nước.- Thế hệ trẻ phải xác định tư tưởng, tình cảm, lí tưởng sống của mình: yêu quê hương đất nước, tự hào tự tôn dân tộc, có ý thức bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của dân tộc; lao động, học tập để khẳng định bản lĩnh, tài năng cá nhân và phục vụ công hiến cho đất nước, sẵn sàng có mặt khi Tổ Quốc cần.- Thời đại ngày nay, xu thế toàn cầu là xu thế hội nhập, khoa học kĩ thuật phát triển với tốc độ cao, vậy thế hệ trẻ cần phải học tập tích lũy tri thức để góp phần phát triển đất nước theo kịp thời đại, hội nhập với xu thế phát triển chung của quốc tế. Bên cạnh đó, phải rèn luyện sức khỏe để có khả năng cống hiến và bảo vệ đất nước. Đồng thời thanh niên cũng cần quan tâm theo dõi đến tình hình chung của đất nước, tinh táo trước hành động của mình không bị kẻ xấu lợi dụng. Về vấn đề chủ quyền biển đảo, thanh niên cần hưởng ứng và tích cực các diễn đàn hợp pháp trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Internet, khẳng định chủ quyền biển đảo của Việt Nam trên các diễn đàn, đồng thời kịch liệt lên án và đấu tranh tham gia ngăn chặn các hành vi vi phạm xâm phạm chủ quyền biển, hải đảo thiêng liêng của Tổ Quốc.	
	<i>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận.	0,25
2	Kể lại một kỉ niệm sâu sắc của em về tình cảm gia đình hoặc tình bạn, tình thầy trò theo ngôi kể thứ nhất	5,0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn</i> Mở bài giới thiệu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,5

	<i>b. Triển khai nội dung</i>	
	* Mở bài - Lời dẫn dắt mở đầu để chuẩn bị giới thiệu câu chuyện sắp kể (chẳng hạn dẫn dắt bằng việc nêu ra qui luật của cuộc sống, qui luật chung trong đời sống tình cảm của mỗi con người...) - Nhấn mạnh đến một kỉ niệm sâu sắc và nêu ấn tượng chung của bản thân ...	0,5
	* Thân bài - Hoàn cảnh chung gắn với việc hình thành nên kỉ niệm đáng nhớ: thời gian, không gian, con người, sự việc...có liên quan. - Kể lại diễn biến của câu chuyện theo trình tự hợp lí (kết hợp với các yếu tố miêu tả và biểu cảm).	3,0
	* Kết bài - Kết thúc câu chuyện (...) - Nêu cảm tưởng và ý nghĩa của kỉ niệm đối với cuộc sống hiện tại và tương lai của bản thân.	0,5
	<i>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
TỔNG ĐIỂM: 10,0		

ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN LỚP 10
(Thời gian làm bài: 90 phút)

A. PHẦN ĐỌC – HIỂU (2 điểm):

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi ở dưới:

“Làng kia có một viên lí trưởng nổi tiếng xử kiện giỏi. Một hôm nọ, Cải với Ngô đánh nhau, rồi mang nhau đi kiện. Cải sợ kém thế lót trước cho thầy lí năm đồng. Khi xử kiện thầy lí nói :

-Thằng Cải đánh thằng Ngô đau hơn, phạt một chục roi.

Cải vội xòe tay năm ngón, ngẩng mặt nhìn thầy lí, khẽ bẩm:

-Xin xét lại , lẽ phải về con mà!

Thầy lí cũng xòe năm ngón tay trái úp lên trên năm ngón tay mặt nói :

-Tao biết mày phải nhưng nó phải bằng hai mày”

(Theo tiếng cười dân gian Việt Nam)

Câu 1(0,5 điểm): Phương thức biểu đạt của đoạn văn trên là gì?

Câu 2(0,5điểm): Hành động xòe năm ngón tay trái úp lên năm ngón tay mặt có ý nghĩa gì?

Câu 3(1 điểm): Từ “ phải” trong văn bản có ý nghĩa gì? Tác giả dân gian đã sử dụng nghệ thuật nào qua từ “phải”?

B. PHẦN LÀM VĂN: (8 điểm)

Câu 1. Nghị luận xã hội: (2 điểm)

Suy nghĩ về nhường nhịn trong cuộc sống con người.

Câu 2. Nghị luận văn học: (6 điểm)

Nêu cảm nhận của em về nhân vật Tấm trong truyện cổ tích *Tấm Cám*.

----- HẾT -----

V, HƯỚNG DẪN CHẤM ,BIỂU ĐIỂM:

A. PHẦN ĐỌC – HIỂU :

Câu 1(0,5 điểm): Phương thức biểu đạt tự sự

Câu 2(0,5 điểm): Hành động xòe năm ngón tay trái úp lên năm ngón tay mặt có nghĩa là : số tiền bỏ ra phải gấp đôi

Câu 3(1 điểm): “Phải” một là lẽ phải, cái đúng

“Phải” hai : bắt buộc, là số tiền cần phải có

Nghệ thuật : chơi chữ

B. PHẦN LÀM VĂN TỰ SỰ (8 điểm):

1. Nghị luận xã hội: (2 điểm)

Viết đoạn văn khoảng 100 chữ

- Nội dung: Cần đảm bảo các ý sau:

+ Nhường nhịn được coi là phương châm đối nhân xử thế hàng ngày.

+ Đức tính nhường nhịn được thể hiện ở một con người điềm đạm khoan dung vị tha và họ luôn được mọi người yêu quý nhưng rất kính trọng.

+ Nhường nhịn có nghĩa là cảm thông thông cảm và tha thứ cho nhau.

+ Người biết suy xét kĩ biết nhường nhịn sẽ giúp họ làm chủ được mình “một điều nhịn là chín điều lành”. Họ có những lời nói cử chỉ hành động nhẹ nhàng từ tốn.

2. Nghị luận văn học: (6 điểm) Văn Biểu cảm

1. Yêu cầu về kĩ năng:

- Biết cách làm bài văn biểu cảm

- Kết cấu rõ ràng, diễn đạt lưu loát, trong sáng ; có chính kiến, có tính biểu cảm. Hạn chế tối đa các lỗi: chính tả, dùng từ, viết câu...

- Chữ viết rõ ràng, bài sạch sẽ.

2. Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần đạt được các nội dung cơ bản sau:

- Tấm tiêu biểu cho phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam: chịu thương, chịu khó, siêng năng, chăm chỉ,...
- Số phận bất công đã để cho cô Tấm nét na hiều thảo sớm phải sống cảnh mồ côi, sớm phải chịu đựng những đày đọa hành hạ của cuộc sống "Mẹ ghẻ con chồng".
- Nhưng đôi khi ta lại bắt gặp hình ảnh cô Tấm quá yếu ớt, thụ động.
- Sự thần kì giờ đây đến từ sức mạnh nội tại, chiến đấu giữ vững hạnh phúc, thực thi công lý báo thù. Tấm trở nên mạnh mẽ, quyết liệt bên cạnh bản tính hiền lành, nhân hậu vốn có của mình.
- Tấm sau những đọa đầy đau khổ vươn mình lớn dậy, tự mình đấu tranh, kiên quyết chống lại sự hãm hại của mẹ con Cám. Với sức sống mãnh liệt Tấm đã chiến thắng, đã giành lại hạnh phúc cho mình, không cần Bụt, Tiên nữa.
- Hình ảnh cô Tấm giúp phần nào phản ánh được cuộc trường chinh mà nhân dân lao động đã đi qua trong một phần quá khứ xa xưa của dân tộc. Những kiếp người nhọc nhằn, cơ cực nhưng bao giờ cũng khoẻ khoắn, lành mạnh, cao quý và dồi dào sức sống. Chính họ, trong những năm tháng nghèo nàn nhất của lịch sử đã cho chúng ta thấy được sự giàu có đến vô cùng trong đời sống tinh thần của dân tộc Việt. Cô Tấm không chỉ là sự hiện diện của một cuộc đời, một tâm hồn cụ thể.

*** Lưu ý:**

- Chỉ cho điểm tối đa khi học sinh đạt cả yêu cầu về kĩ năng và kiến thức.
- Nếu học sinh có suy nghĩ riêng mà hợp lí thì vẫn được chấp nhận.

SỞ GD&ĐT BÌNH ĐỊNH TRƯỜNG THPT NGÔ LÊ TÂN ĐỀ CHÍNH THỨC	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn: Ngữ văn lớp 10 Năm học: 2018-2019 Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)
--	--

Họ và tên học sinh:

Số báo danh: **Lớp**

I.MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA:

- Đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng trong chương trình môn ngữ văn.
- Đánh giá năng lực nhận biết ,thông hiểu và tạo lập văn bản của học sinh thông qua hình thức tự luận.

II.HÌNH THỨC KIỂM TRA :Tự luận .

III. THIẾT LẬP MA TRẬN:

NỘI DUNG		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Cộng
I. Đọc	Một đoạn trích/ văn bản văn học	- Nhận diện phong cách	- Khái quát chủ đề/ nội dung	- Nhận xét/ đánh giá về		

<i>hiểu</i>	(nhật dụng) hoàn chỉnh	ngôn ngữ của văn bản; - Nhận diện nội dung từ ngữ, hình ảnh,... có mặt trong văn bản.	chính/ mục đích, ... mà văn bản đề cập - Hiểu được quan điểm/ tư tưởng, thái độ ... của tác giả. - Hiểu được ý nghĩa/ tác dụng của chi tiết/ hình ảnh.	tư tưởng / quan điểm/ tình cảm /thái độ ... của tác giả thể hiện trong văn bản. - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề tác giả đã nêu trong văn bản.		
	Số câu hỏi	2	1	1		4
	Số điểm	1.0	1.0	1.0		3.0 điểm
	Tỉ lệ	10%	10%	10%		30%
<i>II. Làm văn</i>	1. NLXH Một câu văn hay một nội dung ý nghĩa trong văn bản đọc – hiểu	Nội dung cần nghị luận	Hiểu được tác dụng hoặc tác hại của một vấn đề trong đời sống.	Rút ra bài học về tư tưởng/nhận thức.	Tạo lập đoạn văn NLXH hoàn chỉnh khoảng 200 chữ	
	Số câu hỏi	1				1
	Số điểm	0.5	0.5	0.5	0.5	2.0 điểm
	Tỉ lệ	5%	5%	5%	5%	20%
	2. NLVH Đoạn trích văn học Việt Nam hiện đại đã học trong chương trình Ngữ văn 10	- Nhận biết chung về tác giả, tác phẩm/đoạn trích.	- Giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của tác phẩm/đoạn trích. - Hiểu được ý nghĩa hình tượng trong tác phẩm/ trích. - Hiểu được quan điểm/ tư tưởng, tình cảm, thái độ ... của tác giả.	- Nhận xét/ đánh giá về tư tưởng/ quan điểm/ tình cảm /thái độ ... của tác giả thể hiện trong tác phẩm/ đoạn trích. - Nhận xét về một giá trị nội dung/ nghệ thuật của tác phẩm/ đoạn trích. - Rút ra bài học về tư	Viết bài văn nghị luận văn học hoàn chỉnh	

				trởng/ nhận thức.		
	Số câu hỏi	1				1
	Số điểm	1.5	1.5	0.5	1.5	5.0 điểm
	Tỉ lệ	15%	15%	5%	15%	50%
	Tổng số câu hỏi	2	1	1	2	6
	Tổng số điểm	3.0	3.0	2.0	2.0	10.0 điểm
	Tỉ lệ	30%	30%	20%	20%	100%

IV. ĐỀ BÀI:

I. Đọc hiểu: (3.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

"Bản lĩnh là khi bạn dám nghĩ, dám làm và có thái độ sống tốt. Muốn có bản lĩnh bạn cũng phải kiên trì luyện tập. Chúng ta thường yêu thích những người có bản lĩnh sống. Bản lĩnh đúng nghĩa chỉ có được khi bạn biết đặt ra mục tiêu và phương pháp để đạt được mục tiêu đó. Nếu không có phương pháp thì cũng giống như bạn đang nhắm mắt chạy trên con đường có nhiều ổ gà.

Cách thức ở đây cũng rất đơn giản. Đầu tiên, bạn phải xác định được hoàn cảnh và môi trường để bản lĩnh được thể hiện đúng lúc, đúng nơi, không tùy tiện. Thứ hai bạn phải chuẩn bị cho mình những tài sản bổ trợ như sự tự tin, ý chí, nghị lực, quyết tâm... Điều thứ ba vô cùng quan trọng chính là khả năng của bạn. Đó là những kỹ năng đã được trau dồi cùng với vốn tri thức, trải nghiệm. Một người mạnh hay yếu quan trọng là tùy thuộc vào yếu tố này.

Bản lĩnh tốt là vừa phục vụ được mục đích cá nhân vừa có được sự hài lòng từ những người xung quanh. Khi xây dựng được bản lĩnh, bạn không chỉ thể hiện được bản thân mình mà còn được nhiều người thừa nhận và yêu mến hơn."

(Tuoitre.vn - *Xây dựng bản lĩnh cá nhân*)

Câu 1. Xác định **phương thức biểu đạt chính** của đoạn trích? (0.5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả, thế nào là **người bản lĩnh**? (0.5 điểm)

Câu 3. Tại sao tác giả cho rằng "**Bản lĩnh tốt là vừa phục vụ được mục đích cá nhân vừa có được sự hài lòng từ những người xung quanh**"? (1.0 điểm)

Câu 4. Theo anh/chị, **một người có bản lĩnh sống phải là người như thế nào**? (1.0 điểm)

II. Làm văn: (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Viết đoạn văn ngắn khoảng (200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu nói:
Tuổi trẻ cần sống có bản lĩnh để dám đương đầu với mọi khó khăn thử thách.

Câu 2 (5.0 điểm)

Cảm nhận của em về bài thơ "Cảnh ngày hè" của Nguyễn Trãi.

“Rồi hóng mát thuở ngày trường,
Hoè lục đùn đùn tán rợp giương.
Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ,
Hồng liên trì đã tiễn mùi hương.
Lao xao chợ cá làng ngư phủ,
Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương.
Dẽ có Ngu cầm đàn một tiếng,
Dân giàu đủ khắp đòi phương.”

(“*Cảnh ngày hè*”, Trang 118, Ngữ văn 10, Tập I, NXBGD, 2006)

-----HẾT-----

V. ĐÁP ÁN:

Phần I. Đọc hiểu (3.0 điểm):

Câu	Nội dung	Điểm
1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận.	0.5
2	Theo tác giả, người có bản lĩnh là người dám nghĩ, dám làm và có thái độ sống tốt.	0.5
3	Tại sao tác giả cho rằng " <i>Bản lĩnh tốt là vừa phục vụ được mục đích cá nhân vừa có được sự hài lòng từ những người xung quanh</i> "? Bởi vì: khi một cá nhân có bản lĩnh, dám nghĩ, dám làm nhưng chỉ nhằm mục đích phục vụ cá nhân mình, không quan tâm đến những người xung quanh, thậm chí làm phương hại đến xã hội thì không ai thừa nhận anh ta là người có bản lĩnh...	1.0
4	Theo anh/chị, cần làm thế nào để rèn luyện bản lĩnh sống? - Phải trau dồi tri thức, kinh nghiệm, kỹ năng - Phải dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm - Phải có ý chí, quyết tâm, nghị lực - Phải có chính kiến riêng trong mọi vấn đề. Người bản lĩnh dám đương đầu với mọi thử thách để đạt điều mong muốn.	1.0
	Tổng điểm	3.0

Phần II. Làm văn (7.0 điểm):

1 Yêu cầu chung: Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận xã hội và nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; thể hiện khả năng cảm thụ văn học tốt; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

2. Yêu cầu cụ thể:

Câu	Nội dung	Điểm
1	Từ đoạn trích trên, anh/chị hãy viết một đoạn văn ngắn (<i>khoảng 200 chữ</i>) trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề Tuổi trẻ cần sống có bản lĩnh để	

	dám đương đầu với mọi khó khăn thử thách.	
	a) Đảm bảo cấu trúc đoạn nghị luận.	0.25
	b) Xác định đúng vấn đề cần nghị luận. Tuổi trẻ cần sống có bản lĩnh để dám đương đầu với mọi khó khăn thử thách.	0.25
	c) Triển khai vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp: * Giới thiệu vấn đề nghị luận. Tuổi trẻ cần sống có bản lĩnh để dám đương đầu với mọi khó khăn thử thách. * Phân tích vấn đề: - Giải thích: Bản lĩnh là sự tự khẳng định mình, bày tỏ những quan điểm cá nhân và có chính kiến riêng trong mọi vấn đề. Người bản lĩnh dám đương đầu với mọi thử thách để đạt điều mong muốn. - Bàn luận ý nghĩa của việc sống bản lĩnh + Sống bản lĩnh giúp cho bản thân có được sự tự tin trong cuộc sống, từ đó đề ra những mục tiêu và dám thực hiện chúng. + Bên cạnh đó, người bản lĩnh cũng dễ dàng thừa nhận những sai sót, khuyết điểm của mình và tiếp thu những cái hay, cái mới, cái hay. + Trước những cám dỗ của cuộc sống, người bản lĩnh hoàn toàn có thể tự vệ và tự ý thức được điều cần phải làm. - Bình luận, mở rộng + Là học sinh, bản lĩnh được biểu hiện qua nhiều hành vi khác nhau. Đó là khi bạn cương quyết không để cho bản thân mình quay cốp, chép bài trong giờ kiểm tra. Đó là khi bạn sẵn sàng đứng lên nói những sai sót của bạn bè và khuyên nhủ họ. Khi mắc sai lầm, bạn tự giác thừa nhận và sửa sai. - Bài học nhận thức và hành động - Không phải ai sinh ra cũng có được bản lĩnh. Bản lĩnh của mỗi người được tôi luyện qua nhiều gian lao, thử thách. Bằng sự can đảm, học từ những thất bại, đứng dậy từ những vấp ngã, ... mỗi chúng ta đang dần tạo nên một bản lĩnh kiên cường. * Kết luận: Cuộc đời sẽ đẹp và giàu ý nghĩa khi tuổi trẻ biết sống có bản lĩnh để dám đương đầu với mọi khó khăn thử thách.	1.0
	d) Sáng tạo. Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm,...) ; thể hiện được quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0.25
	e) Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo đúng chuẩn tiếng Việt.	0.25
	Tổng điểm	2.0

Câu	Nội dung	Điểm
2	Cảm nhận bài thơ “Cảnh ngày hè” của Nguyễn Trãi.	
	<p>a) Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận. Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.</p>	0.5
	<p>b) Xác định đúng vấn đề cần nghị luận. Cảm nhận những giá trị về nội dung và nghệ thuật của bài thơ “Cảnh ngày hè” của Nguyễn Trãi.</p>	0.5
	<p>c) Triển khai vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp: * Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm. (0.5đ) Giới thiệu về tác giả Nguyễn Trãi và sơ lược bài thơ “Cảnh ngày hè”, biểu hiện của vẻ đẹp bức tranh thiên nhiên và vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi qua bài thơ. * Cảm nhận và phân tích: <u>Bức tranh thiên nhiên ngày hè: (1.0đ)</u> - Với tình yêu thiên nhiên nồng nàn, cùng với tâm hồn tinh tế, nhạy cảm tác giả đã đón nhận thiên nhiên bằng các giác quan: thị giác, thính giác, khứu giác... + Các hình ảnh: hoa hòe, thạch lựu, hoa sen. + Âm thanh: tiếng ve. + Mùi hương: của hoa sen. <u>-Nghệ thuật:</u> + Các động từ: đùn đùn, phun + tính từ tiến. + Hình ảnh gân gỏi, dân dã với cuộc sống. -<u>Nhận xét:</u> Bức tranh chân thực mang nét đặc trưng của mùa hè ở thôn quê, kết hợp hài hòa đường nét và màu sắc. Bức tranh thiên nhiên sinh động, tràn đầy sức sống (nguồn sống ấy được tạo ra từ sự thôi thúc tự bên trong, đang ứ căng, tràn đầy trong lòng thiên nhiên vạn vật, khiến chúng phải “giương lên”, “phun” ra hết lớp này đến lớp khác. <u>Bức tranh cuộc sống sinh hoạt và tấm lòng với dân, với nước.(1.0đ)</u> - Hưởng về cuộc sống lao động, cuộc sống sinh hoạt của nhân dân: + Hình ảnh: chợ cá làng ngư phủ → cuộc sống tập nập, đông vui, ồn ào, no đủ. + Âm thanh: lao xao → Từ xa vọng lại, lắng nghe âm thanh của cuộc sống, quan tâm tới cuộc sống của nhân dân. → Bức tranh miêu tả cuối ngày nhưng không gợi cảm giác ảm đạm. Bởi ngày sắp tàn nhưng cuộc sống không ngừng lại, thiên nhiên vẫn vận động với cuộc sống dồi dào, mãnh liệt, bức tranh thiên nhiên vẫn rộn rã những âm thanh tươi vui. - Mong ước khát vọng cho nhân dân khắp mọi nơi đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc: + Ước muốn có chiếc đàn của vua Thuần để gảy lên khúc nam phong ca</p>	3.0

ngợi cuộc sống no đủ của nhân dân. Tấm lòng ưu ái với nước. + Câu cuối: câu lục ngôn ngắt nhịp 3/3 âm hưởng đều đặn đã thể hiện khát vọng mạnh mẽ của Nguyễn Trãi * Nhận định chung về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. (0.5đ)	
d) Sáng tạo. Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm,...) ; thể hiện được quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0.5
e) Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo đúng chuẩn tiếng Việt.	0.5
Tổng điểm	5.0

VI. THỐNG KÊ

Lớp	Sĩ số	G(%)	K(%)	Tb(%)	Y(%)	Kém(%)

SỞ GD&ĐT LẠNG SƠN TRƯỜNG THPT ĐỒNG BÀNH ĐỀ THI CHÍNH THỨC ĐỀ SỐ: 02	KÌ THI HỌC KÌ I LỚP 10 NĂM HỌC 2018 -2019 Môn thi: Ngữ văn Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian giao đề) Ngày thi: 25 /12/2018 (Đề gồm có 01 trang, 02 câu)
--	--

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi.

“ Con ong làm mật, yêu hoa

Con cá bơi, yêu nước; con chim ca, yêu trời

Con người muốn sống, con ơi

Phải yêu đồng chí, yêu người anh em.

Một ngôi sao chẳng sáng đêm

Một thân lúa chín, chẳng nên mùa vàng

Một người - đâu phải nhân gian

Sống chẳng, một đóm lửa tàn mà thôi!” ...

Trích **Tiếng ru** – Sáng tác: Tố Hữu.

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt của đoạn văn bản trên?

Câu 2: Cho biết ý nghĩa của hai câu thơ sau:

Con người muốn sống, con ơi

Phải yêu đồng chí, yêu người anh em.

Câu 3: Chỉ ra và nêu ý nghĩa của biện pháp tu từ ẩn dụ trong khổ thơ thứ hai ?

Câu 4: Viết đoạn văn khoảng (5 – 7 câu) trình bày cách hiểu của anh (chị) về **quan niệm sống** được nêu ra trong đoạn thơ?

PHẦN II. LÀM VĂN (7,0 điểm).

Phân tích vẻ đẹp bài thơ “ **Tổ lòng** ” – Phạm Ngũ Lão.

Phiên âm

*Hoành sóc giang sơn kháp kỉ thu,
Tam quân tì hổ khí thôn ngưu.
Nam nhi vị liễu công danh trái,
Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu.*

Dịch thơ

*Múa giáo non sông trải mấy thu,
Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu
Công danh nam tử còn vương nợ
Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu*

VI. Hướng dẫn chấm

Phần I: Đọc hiểu (3,0 điểm):

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1	Phương thức biểu đạt: biểu cảm, tự sự.	0,5 điểm
Câu 2	Ý nghĩa: Lời khuyên cho mỗi chúng ta về quan niệm sống hòa nhập, chan hòa, yêu thương, đoàn kết, chia sẻ...	0,75 điểm
Câu 3	- Ẩn dụ: “ <i>Một ngôi sao</i> ” “ <i>Một thân lúa</i> ” “ <i>Một người</i> ”: Chỉ sự nhỏ bé, cô đơn, riêng lẻ. - Ý nghĩa: Khẳng định con người không thể tồn tại nếu sống tách biệt, riêng lẻ, không có tình yêu thương...	0,75 điểm
Câu 4	- Kỹ năng: + Viết đủ dung lượng câu (có thể thiếu hoặc thừa không quá một câu). + Trình bày mạch lạc, lưu loát, không mắc lỗi chính tả. - Kiến thức: + Sống phải có tình yêu thương, gắn bó, đoàn kết. + Phê phán những người có lối sống ích kỉ, nhỏ nhen. + Bài học nhận thức của bản thân.	0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm

II. Phần II: Làm văn (7,0 điểm).

Ý	Đáp án	Điểm
a	HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo được các yêu cầu sau:	0,5 điểm

	Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài.	
b	Xác định được vấn đề cần nghị luận: Vẻ đẹp hình tượng con người, quân đội nhà Trần và vẻ đẹp nhân cách nhà thơ.	0,5 điểm
c	1. Mở bài: - Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm. - Giới thiệu khái quát vấn đề nghị luận: Vẻ đẹp hình tượng con người, quân đội nhà Trần và vẻ đẹp nhân cách nhà thơ.	0,25 điểm 0,25 điểm
	2. Thân bài: <i>a. Vẻ đẹp hình tượng người lính và quân đội nhà Trần:</i> - Vẻ đẹp hình tượng người lính: thể hiện qua tư thế “ <i>hoành sóc</i> ”, không gian và thời gian người tráng sĩ xuất hiện mang tầm vóc kì vĩ, lớn lao. - Vẻ đẹp quân đội: Phân tích hình ảnh so sánh “ <i>ba quân như hổ báo</i> ” và phóng đại “ <i>nuốt trôi trâu</i> ”. Sức mạnh như vũ bão của quân đội nhà Trần.	1,0 điểm 1,0 điểm
	<i>b. Vẻ đẹp lí tưởng, nhân cách nhà thơ:</i> - Phân tích quan niệm về: “ <i>chí nam nhi</i> ” – chí nam nhi mang ý nghĩa tích cực gắn trách nhiệm con người với vận mệnh tổ quốc. - Phân tích điển tích Vũ Hầu, chỉ ra ý nghĩa cái “ <i>thẹn</i> ” trong nhân cách nhà thơ: Khát khao lập nên công danh sự nghiệp lớn lao và một tấm lòng tận trung báo quốc trọn đời của nhà thơ.....	1,0 điểm 1,0 điểm
	<i>c. Đánh giá:</i> + Nghệ thuật: bài thơ Đường luật ngắn gọn, súc tích, thiên về gợi chứ không tả; sử dụng hình ảnh thiên nhiên rộng lớn, tầm vóc vũ trụ.... + Nội dung: Vẻ đẹp nhân cách nhà thơ với tư tưởng “ <i>trung quân ái quốc</i> ”. Qua đó thấy được vẻ đẹp con người và sức mạnh thời đại của một trang lịch sử của dân tộc.	0,5 điểm
	3. Kết bài - Khẳng định tấm lòng, tài năng nhà thơ Phạm Ngũ Lão. - Khẳng định ý nghĩa, sức sống bài thơ. - Bài học rút ra cho thế hệ trẻ ngày nay.	0,5 điểm
d	Sáng tạo: có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu trong tiếng Việt.	0,5 điểm

MA TRẬN ĐỀ:

Mức độ nhận thức	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	Tổng số
I. Đọc hiểu Đoạn trích.	- Xuất xứ, thể loại, phương thức biểu đạt, ... của đoạn trích.	- Nội dung đoạn trích. Quan điểm, tư tưởng của tác giả. Nghệ thuật và tác dụng trong đoạn văn, đoạn thơ.	Thể hiện quan điểm cá nhân về vấn đề đặt ra trong đoạn trích (nhận xét, đánh giá, rút ra bài học,...)		
Số câu	1	1	1		3
Số điểm	0,5	1,0	1,5		3,0
Tỉ lệ	5%	10%	15%		30%
II. Làm văn 1. Nghị luận xã hội: viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) 2. Nghị luận văn học về một đoạn thơ hoặc một bài thơ				Vận dụng tổng hợp kĩ năng và kiến thức về xã hội, văn học để viết đoạn văn ngắn về vấn đề xã hội trong đoạn trích phần đọc hiểu. Vận dụng tổng hợp những hiểu biết về tác giả, tác phẩm đã học và kĩ năng tạo lập văn bản để viết bài nghị luận văn học: Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ (HK1 - Ngữ văn 10).	
Số câu				2	2
Số điểm				7,0	7,0
Tỉ lệ				70%	70%

Tổng chung					
Số câu	1	1	1	2	5
Số điểm	0,5	1,0	1,5	7,0	10,0
Tỉ lệ	10%	10%	15%	70%	100%

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT NGÔ LÊ TÂN

ĐỀ THI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2017-2018

ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn thi: **Ngữ văn 10 - CB**

Ngày thi:

Thời gian: **90 phút** (Không kể thời gian giao đề)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm):

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi:

*Chẳng ai muốn làm hành khất,
Tội trời đày ở nhân gian.
Con không được cười giễu họ,
Dù họ hôi hám úa tàn.*

*Nhà mình sát đường, họ đến,
Có cho thì có là bao.
Con không bao giờ được hỏi,
Quê hương họ ở nơi nào.
(...)*

*Mình tạm gọi là no ấm,
Ai biết cơ trời vẫn xoay,
Lòng tốt gửi vào thiên hạ,
Biết đâu nuôi bố sau này.*

(Trần Nhuận Minh, *Dặn con*, Nhà thơ và hoa cỏ, NXB Văn học, 1993)

Câu 2. (0,5 điểm): Chỉ ra **phương thức biểu đạt chính** được sử dụng trong đoạn trích?

Câu 1. (1,0 điểm): Hãy nêu **nội dung chính** của đoạn trích trên? (1,0 điểm)

Câu 3. (1,5 điểm): Hãy tìm trong vốn từ tiếng Việt **từ đồng nghĩa** với từ **hành khất**? Theo em, vì sao tác giả dùng từ **hành khất** thay vì các từ đồng nghĩa khác?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm):

Câu 1 (2 điểm):

Từ đoạn trích trên, anh/chị hãy viết một đoạn văn ngắn (*khoảng 200 chữ*) trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề **cho** và **nhận** ở đời (*cho đi và nhận lại*).

Câu 2 (5 điểm):

Cảm nhận bài thơ “Tỏ lòng” (*Thuật hoài*) của Phạm Ngũ Lão:

*Múa giáo non sông trải mấy thu,
Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu.
Công danh nam tử còn vương nợ,*

Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu.

(Sách Ngữ văn 10, NXB Giáo dục, tập I, tr.115, 116)

ĐÁP ÁN - THANG ĐIỂM

ĐỀ THI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2017-2018

Môn: Ngữ văn 10 - CB

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm):

Câu	Nội dung	Điểm
1	Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.	0,5
2	Lời dặn của người cha với con: - Lời dặn thể hiện tinh thần nhân văn: thương yêu, giúp đỡ con người, tôn trọng con người. - Lời dặn đầy sự chiêm nghiệm sâu sắc về lẽ đời như: cơ trời vùn xoay, lòng tốt, cho và nhận... khiến con người phải suy nghĩ về cách sống.	1,0
3	- Từ đồng nghĩa với từ <i>hành khất</i> : <i>ăn xin, ăn mày (0,5 đ)</i> . - Tác giả dùng từ <i>hành khất</i> vì: (1,0 điểm) . + Tác dụng phối thanh. + <i>Hành khất</i> là từ Hán Việt có sắc thái trang trọng, khác với sắc thái trung tính của các từ thuần Việt <i>ăn xin, ăn mày</i> , do đó phù hợp với cảm xúc của nhân vật trữ tình trong lời dặn con (phải tôn trọng, giữ thể diện cho những người hành khất).	1,5
	Tổng điểm	3,0

Phần II. Làm văn (7,0 điểm):

1 Yêu cầu chung: Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận xã hội và nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; thể hiện khả năng cảm thụ văn học tốt; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

2. Yêu cầu cụ thể:

Câu	Nội dung	Điểm
1	Từ đoạn trích trên, anh/chị hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề cho và nhận ở đời.	
	a) Đảm bảo cấu trúc đoạn nghị luận.	0,25
	b) Xác định đúng vấn đề cần nghị luận. Hiểu được vấn đề cho và nhận ở đời.	0,25
	c) Triển khai vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp: * Giới thiệu vấn đề nghị luận. - Từ nội dung đoạn thơ: Lời dặn con của người cha phải biết giúp đỡ và tôn trọng những người hành khất. Giúp người, đến khi gặp hoạn nạn, người khác sẽ giúp mình.	1,0

	<p>- Nêu vấn đề: cho và nhận ở đời. * Phân tích vấn đề: - Giải thích: + Cho là cho đi (vật chất, tinh thần, kinh nghiệm, ...). + Nhận là nhận về niềm vui, sự thanh thản và kể cả vật chất. * Phân tích biểu hiện: - Cuộc sống còn rất nhiều mảnh đời khốn khổ, cần sự giúp đỡ của cộng đồng. - Khi giúp đỡ người khác, con người cảm nhận được niềm vui, hạnh phúc. Và khi lỡ sa chân vào khốn khó, có thể sẽ nhận được sự sẻ chia từ cộng đồng. * Bình luận: - Cho và nhận làm cho cuộc sống có ý nghĩa, nó cũng là quy luật của cuộc sống, giúp cho xã hội nhân văn và phát triển hơn, đáng được ca ngợi. - Nhưng cuộc sống cũng còn lắm kẻ chỉ biết nhận mà không biết cho, hoặc cho đi và đòi phải nhận lại. Điều ấy cần phải phê phán. * Kết luận: Cuộc đời sẽ giàu ý nghĩa khi ta biết cho và nhận.</p>	
	<p>d) Sáng tạo. Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm,...) ; thể hiện được quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	0,25
	<p>e) Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo đúng chuẩn tiếng Việt.</p>	0,25
	Tổng điểm	2,0

Câu	Nội dung	Điểm
2	Cảm nhận bài thơ “Tỏ lòng” (<i>Thuật hoài</i>) của Phạm Ngũ Lão.	
	<p>a) Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận. Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.</p>	0,5
	<p>b) Xác định đúng vấn đề cần nghị luận. Cảm nhận những giá trị về nội dung và nghệ thuật của bài thơ <i>Tỏ lòng</i> - Phạm Ngũ Lão.</p>	0,5
	<p>c) Triển khai vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp: * Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm. (0,5đ) * Cảm nhận và phân tích: - Hai câu đầu: (1,0đ) + Hình ảnh người tráng sĩ thời Trần cầm ngang ngọn giáo (<i>hoành sóc</i>) thể hiện tư thế rắn rỏi, tự tin, sẵn sàng trấn giữ đất nước với tinh thần bền bỉ, kiên trì (<i>trải mấy thu</i>). Đó là hình ảnh của con người mang tầm vóc vũ trụ với tư thế hiên ngang, kì vĩ.</p>	3,0

	<p>+ Hình ảnh “ba quân” - quân đội thời Trần với sức mạnh như hổ báo: hình ảnh so sánh, ẩn dụ nói lên sức mạnh vô địch của quân đội thời Trần.</p> <p>Khí thế: <i>Nuốt trôi trâu</i>, cách nói cường điệu chỉ hùng khí dũng mãnh, ào ào ra trận, không một thế lực nào, một kẻ thù nào có thể ngăn cản nổi.</p> <p><u>Đánh giá</u>: Hai câu thơ đầu với vẻ đẹp của hình tượng người anh hùng vệ quốc mang tầm vóc vũ trụ, lịch sử được lồng trong vẻ đẹp của hình tượng dân tộc, đã tạo nên một bức tranh toàn cảnh về thời đại nhà Trần. Đây chính là vẻ đẹp và sức mạnh của hào khí Đông A.</p> <p>- Hai câu cuối: (1,0đ)</p> <p>+ Là tâm sự của Phạm Ngũ Lão về hoài bão lập công danh luôn canh cánh bên lòng. Qua cái thẹn khi nghe chuyện Vũ Hầu, ta thấy được vẻ đẹp hiên ngang, hùng dũng của người anh hùng không chỉ có vẻ đẹp ý chí mà còn có cái “Tâm” cao đẹp.</p> <p>+ Hai câu thơ còn là lời nhắc nhở đối với bậc nam nhi sống trong thời đại phải có ý thức cầu tiến, xả thân vì nghĩa lớn, điều đó có ý nghĩa lớn với tuổi trẻ hôm nay và mai sau.</p> <p>* Nhận định chung về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. (0,5đ)</p>	
	<p>d) Sáng tạo.</p> <p>Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm,...) ; thể hiện được quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	0,5
	<p>e) Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo đúng chuẩn tiếng Việt.</p>	0,5
	Tổng điểm	5,0

THIẾT LẬP MA TRẬN

A. CẤU TRÚC MA TRẬN ĐỀ

NỘI DUNG	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT				TỔNG SỐ
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
I ĐỌC HIỂU:	<p>- Ngữ liệu: Văn bản nghệ thuật.</p> <p>- Tiêu chí lựa chọn ngữ liệu: + 01 văn bản hoàn chỉnh.</p>	<p>- Nhận diện thể loại/ phương thức biểu đạt/ phong cách ngôn ngữ của văn bản</p> <p>- Chỉ ra chi tiết/ hình ảnh/ biện pháp tu từ, ... nổi bật trong văn bản</p>	<p>- Nhận xét về tư tưởng/ quan điểm/ tình cảm/thái độ của tác giả thể hiện trong văn bản.</p> <p>- Rút ra bài học tư tưởng/ nhận thức</p>		

Tổng:	Số câu	2	1	1	4
	Số điểm	1,0	1,0	1,0	3,0
	Tỉ lệ	10%	10%	10%	30%
II LÀM VĂN:	Câu 1: Nghị luận xã hội: - Khoảng 200 chữ - Trình bày suy nghĩ về vấn đề đọc sách		Viết đoạn văn		
	Câu 2: Nghị luận văn học: - Nghị luận về một bài thơ/ đoạn thơ				
Tổng:	Số câu		1	1	2
	Số điểm		2,0	5,0	7,0
	Tỉ lệ		20%	50%	70%

TRƯỜNG THPT NGÔ LÊ TÂN
TỔ VĂN-TIẾNG ANH

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN 10
NĂM HỌC 2017-2018
THỜI LƯỢNG: 90 phút

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc bài ca dao sau và trả lời các yêu cầu nêu bên dưới:

*“Thân em như tấm lụa đào
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.”*

(Ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa - Ngữ văn 10, tập 1, trang 83, Nxb GD 2006)

Câu 1. Anh (chị) hãy xác định nhân vật giao tiếp trong bài ca dao trên? (0,5 điểm)

Câu 2. Anh (chị) hãy cho biết nội dung giao tiếp của bài ca dao trên là gì? (0,5 điểm)

Câu 3. Anh (chị) hãy xác định hai phép tu từ được sử dụng trong bài ca dao trên và cho biết hiệu quả biểu đạt của chúng. (1,5 điểm)

Câu 4. Anh (chị) hãy ghi hai bài ca dao có mô-típ mở đầu bằng từ “Thân em” (khác bài ca dao đã cho ở trên). (0,5 điểm)

Phần II: Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1:Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 100 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về ý kiến: “**Một cuốn sách tốt là một người bạn hiền**”. (2,0 điểm)

Câu 2: Phân tích bài thơ “*Cảnh ngày hè*” của Nguyễn Trãi(5,0 điểm)

Rồi hóng mát thuở ngày trường,
Hòe lục đùn đùn tán rợp giương.
Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ,
Hồng liên trì đã tiễn mùi hương.
Lao xao chợ cá làng ngư phủ,
Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương,
Dẽ có Ngu cầm đàn một tiếng,
Dân giàu đủ khắp đòi phương

(Theo *Ngữ văn 10*, tập 1, trang 118, NXB GD 2006)

ĐÁP ÁN -THANG ĐIỂM:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU		3.0 đ
	1.	Nhân vật giao tiếp: Lời người phụ nữ người phụ nữ trong xã hội cũ.	0,5đ
	2.	Nội dung giao tiếp: Ý thức về phẩm chất và số phận của người phụ nữ .	0,5đ
	3.	Phép tu từ: + Phép so sánh “Thân em như tấm lụa đào”, + Câu hỏi tu từ “Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai” + Từ láy “phất phơ”, + Ẩn dụ “tấm lụa đào”	0,5 đ
		+ Phép so sánh làm cho lời nói giàu hình ảnh, góp phần miêu tả một cách hình tượng về đẹp của người phụ nữ. + Câu hỏi tu từ: Góp phần làm tăng sắc thái biểu cảm cho lời than thân . + Từ láy: thể hiện sự bấp bênh trong thân phận của người phụ nữ góp phần làm cho lời nói giàu hình ảnh . + Ẩn dụ: có tác dụng làm cho lời than giàu hình ảnh và hàm súc góp phần khẳng định vẻ đẹp của người phụ nữ.	1.0đ
4.	Học sinh lấy ví dụ có mô -típ: “Thân em như” <p style="text-align: center;">“Thân em như củ ấu gai Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen .” “Thân em như quế giữa rừng Ngát hương ai biết thơm lừng ai hay”.</p>	0.5đ	
II	LÀM VĂN		
	Câu 1	Học sinh nêu được ít nhất hai tác dụng của việc đọc sách.	2,0 đ
		a.Đảm bảo thể thức một đoạn văn	0,25đ
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận	0,25đ
c. Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn: vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.Có thể viết đoạn theo định hướng sau:			

	<p>* Giải thích:</p> <p>Sách tốt: Là sách có nội dung tích cực, có tác dụng cung cấp cho ta những tri thức về mọi lĩnh vực của cuộc sống, giúp ta bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách...</p> <p>Bạn hiền: là người bạn có thể giúp ta chia sẻ những buồn vui, giúp ta vượt qua những thử thách, khó khăn để vươn lên trong học tập, cuộc sống.</p> <p>* Bàn luận:</p> <p>+ Sách tốt là người bạn đồng hành với ta trên con đường học tập, trau dồi tri thức để làm chủ cuộc sống của mình. “Sách mở ra trước mắt ta những chân trời mới”.</p> <p>+ Sách tốt là người bạn giúp ta biết phân biệt xấu - tốt, đúng - sai; dạy ta biết yêu thương, trân trọng những điều tốt đẹp, biết căm giận, lên án cái xấu, cái ác, biết sẻ chia, cảm thông, biết trọng nghĩa tình</p> <p>+ Sách tốt là người bạn nâng đỡ tâm hồn ta những lúc ta buồn.</p> <p>+ Sách tốt khơi gợi cho ta những ước mơ, những hoài bão đẹp.</p> <p>* Bài học nhận thức và hành động:</p> <p>+ Biết trân trọng sách tốt và việc đọc sách.</p> <p>+ Phê phán những quan điểm lệch lạc về việc đọc sách và chọn sách ở một bộ phận giới trẻ hiện nay.</p>	
	d.Sáng tạo:có cách diễn đạt độc đáo có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.	0,25đ
	e. Chính tả dùng từ đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả ngữ pháp của câu, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,25đ
Câu 2	Phân tích bài thơ “ <i>Cảnh ngày hè</i> ” của Nguyễn Trãi:	5,0đ
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học</p> <p>Có đầy đủ Mở bài, Thân bài, Kết bài.</p> <p>- Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận.</p> <p>- Thân bài: Triển khai được các luận điểm thể hiện cảm nhận về đoạn trích.</p> <p>- Kết bài: Khái quát được nội dung nghị luận đoạn trích.</p>	0,5đ
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận (cần trích dẫn bài thơ)	0,5đ
	c. Triển khai các luận điểm nghị luận: vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.	3,0 đ

	<p>Học sinh có thể sắp xếp các luận điểm theo nhiều cách, nhưng về cơ bản cần đảm bảo những yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vài nét về tác giả và tác phẩm (có thể tích hợp trong phần mở bài) - Vẻ đẹp rực rỡ của bức tranh thiên nhiên <p>+ Mọi hình ảnh đều sống động: hoè lục đùn đùn, rợp mát như gương ô che rợp; thạch lựu phun trào sắc đỏ, sen hồng đang độ ngát mùi hương.</p> <p>+ Mọi màu sắc đều đậm đà: hoè lục, lựu đỏ, sen hồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẻ đẹp thanh bình của bức tranh đời sống con người: nơi chợ cá dân dã thì "lao xao", tấp nập; chốn lầu gác thì "dắng dỏi" tiếng ve như một bản đàn. <p>Cả thiên nhiên và cuộc sống con người đều tràn đầy sức sống. Điều đó cho thấy một tâm hồn khao khát cuộc sống, yêu đời mãnh liệt và tinh tế, giàu chất nghệ sĩ của tác giả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Niềm khát khao cao đẹp <p>+ Đắm mình trong cảnh ngày hè, nhà thơ ước có cây đàn của vua Thuần, gảy khúc <i>Nam phong</i> cầu mưa thuận gió hòa để "Dân giàu đủ khắp đòi phương".</p> <p>+ Lấy Nghiêu, Thuần làm "gương báu răn mình", Nguyễn Trãi đã bộc lộ chí hướng cao cả: luôn khao khát đem tài trí để thực hiện tư tưởng nhân nghĩa yêu nước thương dân.</p> <p>Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống ngôn từ giản dị, tinh tế xen lẫn từ Hán và điển tích. - Thể thơ thất ngôn xen lục ngôn. <p>Sử dụng từ láy độc đáo: <i>đùn đùn, lao xao, dắng dỏi,...</i></p> <p>Đánh giá chung</p> <p>Tư tưởng lớn xuyên suốt sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Trãi - tư tưởng nhân nghĩa yêu nước thương dân - được thể hiện qua những rung động trữ tình dạt dào trước cảnh thiên nhiên ngày hè.</p>	
	d.Sáng tạo:có cách diễn đạt độc đáo; suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về nội dung hoặc nghệ thuật đoạn trích.	0,5đ
	e. Chính tả dung từ đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả ngữ pháp của câu, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,5đ
TỔNG ĐIỂM		10.0đ

	<p>d) Sáng tạo.</p> <p>Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm,...) ; thể hiện được quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp</p>	0,5
--	---	------------

TT.GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN QUẬN 12

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề có 01 trang)

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2016 - 2017
MÔN: VĂN- LỚP 10

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ và tên :LớpSố báo danh.....

luật.	
e) Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo đúng chuẩn tiếng Việt.	0,5
Tổng điểm	5,0

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc bài ca dao sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4

*“ Thân em như tấm lụa đào
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai ”*
(Ca dao)

Câu 1. Khái quát nội dung của bài ca dao?

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt trong bài ca dao trên?

Câu 3. Xác định các biện pháp tu từ trong bài ca dao . Nêu hiệu quả diễn đạt của chúng?

Câu 4. Từ nội dung bài ca dao trên, anh/chị có liên hệ gì về cuộc sống của người phụ nữ trong xã hội ngày nay? (Trình bày bằng một đoạn văn khoảng 3 - 5 dòng)

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Em hãy tưởng tượng mình là An Dương Vương trong truyền thuyết An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy để kể lại câu chuyện theo ngôi thứ nhất.

-HẾT-

TRUNG TÂM GD TX QUẬN 12

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HKI NĂM HỌC 2016-2017

MÔN: NGỮ VĂN KHỐI 10

<p>Phần đọc hiểu (3 điểm)</p>	<p><i>Câu 1:</i> Nội dung của bài ca dao: Đây là lời than ngậm ngùi chua xót thể hiện thân phận bấp bênh, bị lệ thuộc của người phụ nữ trong XHPK.</p> <p><i>Câu 2:</i> Phương thức biểu đạt: biểu cảm.</p> <p><i>Câu 3:</i> Biện pháp tu từ: so sánh ẩn dụ. - Từ ngữ biểu hiện: thân em-tấm lụa đào. - Tác dụng: nhấn mạnh nỗi khổ của người phụ nữ trong xã hội cũ (khổ vì thân phận của họ bị phụ thuộc, giá trị của họ không được ai biết đến).</p> <p><i>Câu 4:</i> Học sinh có thể viết một đoạn văn ngắn từ 3-5 dòng nói về những suy nghĩ của mình về cuộc sống của người phụ nữ trong xã hội ngày nay.</p>	<p>0.5 0.5 0.5 0.5 1.0</p>
<p>Phần tự luận (7 điểm)</p>	<p>1. Yêu cầu chung - Thí sinh phải biết cách tưởng tượng và kể lại câu chuyện theo đúng ngôi thứ nhất. - Cốt truyện hợp lý không sử dụng những yếu tố hiện đại không phù hợp với màu sắc truyền thuyết. - Có sự kết hợp giữa các yếu tố: tự sự miêu tả và biểu cảm. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng, diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết, không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp</p> <p>2. Yêu cầu về kiến thức: Bài làm của thí sinh cần đạt các ý sau: *Mở bài: Giới thiệu nhân vật ADV.</p> <p>*Thân bài: - Trước khi có thành Cổ Loa và nỏ thần: thấy được nhiệt huyết của ADV khi quyết tâm xây thành để bảo vệ đất nước (thành xây đến đâu đổ đến đó, lập đàn cầu thần...tấm lòng của ADV với dân với nước đã cảm động trời đất và được xứ Thanh Giang đến giúp.) - Khi có thành cao kiên cố và nỏ thần: thấy được sự chủ quan của ADV (gả con gái cho TT, cho TT ở rể; thiếu tinh thần cảnh giác; chủ quan khinh địch: địch đến chân thành vẫn ngồi đánh cờ...; và cuối cùng rơi vào bi kịch nước mất nhà tan...)</p> <p>*Kết bài: ADV theo RV xuống biển với lòng ân hận và nỗi</p>	<p>1.0 5.0 1.0</p>

thương nhớ con da diết.	
-------------------------	--

....HẾT....

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TỈNH BRVT

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
Môn: NGŨ VĂN: LỚP 10 (THPT, GDTX)
NĂM HỌC 2016- 2017

I. Phần đọc hiểu (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4 :

“ Suốt bao nhiêu năm, cha đã làm người đưa thư trong cái thị trấn này. Cha đã đạp xe dọc theo theo những đại lộ hay những phố nhỏ chật hẹp, gõ cửa và đem đến tin tức của một họ hàng, đem những lời chào nồng nhiệt từ một nơi xa xôi nào đó [...]. Chiếc phong bì nào cũng đều chưa đựng những tin tức được mong chờ từ lâu. Con muốn cha biết được rằng con vô cùng kính yêu cha cũng như khâm phục biết bao nhiêu cái công việc cha đã làm cho hàng vạn con người [...]. Khi con nghĩ về hàng ngàn cây số cha đã đạp xe qua, đem theo một túi nặng đầy thư, ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác, dù trời nắng hay mưa, lòng con tràn ngập niềm tự hào khi tưởng tượng ra niềm vui mà cha đem lại cho những ai đợi chờ tin tức từ những người yêu dấu. Cha đã gắn kết những trái tim lại với nhau như một nhịp cầu vòng.”

(Trích Cha thân yêu nhất của con, theo Những bức thư đoạt giải UPU, Ngữ văn 10 , tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012 tr28)

Câu 1 : Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ nào ? (0, 5 điểm)

Câu 2: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản ? (0,5 điểm)

Câu 3 : Người con đã bộc lộ tình cảm, thái độ như thế nào đối với người cha và công việc đưa thư của ông ? (1, 0 điểm)

Câu 4 : Từ văn bản trên, anh/ chị hãy viết một đoạn văn (khoảng ½ trang giấy thi) về tinh thần trách nhiệm trong cuộc sống hôm nay (2,0 điểm)

II Phần làm văn (6,0 điểm)

Nỗi niềm của cô gái trong bài ca dao :

Khăn thương nhớ ai,

Khăn rơi xuống đất.

Khăn thương nhớ ai,

Khăn vắt lên vai.

Khăn thương nhớ ai

Khăn chùi nước mắt

Đèn thương nhớ ai

Mà đèn không tắt
Mắt thương nhớ ai
Mắt ngủ không yên
Đêm qua em những lo phiền
Lo vì một nỗi không yên một bề....

(Trích Ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa, Ngữ văn 10, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam , 2012, tr 83)

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2016-2017

Môn : NGŨ VĂN : LỚP 10 (THPT, GDTX)

(Hướng dẫn chấm có 2 trang)

Phần 1: ĐỌC HIỂU điểm 4,0

Câu 1: Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt 0,5 điểm

Câu 2 : Phương thức biểu đạt chính : biểu cảm 0,5 điểm

Câu 3 :Tình cảm, thái độ của người con đối với người cha : kính yêu “ con vô cùng kính yêu cha...”; với công việc đưa thư của ông : khâm phục, tự hào...“khâm phục biết bao nhiêu cái ông việc cha đã làm cho hàng vạn con người, lòng con tràn ngập niềm tự hào ..” Kính trọng, tự hào 1,0 điểm

Câu 4 :

- Ở câu này, giám khảo chấm điểm linh hoạt. Chỉ cho điểm tối đa khi học sinh viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

- Học sinh trình bày suy nghĩ của mình với thái độ chân thành, nghiêm túc, hợp lí, thuyết phục. Có thể theo định hướng sau :

+ Hiểu và chỉ sau được những biểu hiện của người có tinh thần trách nhiệm (Tinh thần trách nhiệm là ý thức và nỗ lực hoàn thành tốt chức trách và phận sự của mình với gia đình và xã hội...) 0,5 điểm

+ Khẳng định tầm quan trọng của tinh thần trách nhiệm trong cuộc sống : là tiêu chí để đánh giá con người, quyết định đến sự thành – bại của cá nhân và sự phát triển bền vững của xã hội....; có thể chỉ ra những hậu quả nghiêm trọng của cuộc sống do một số người làm việc vô trách nhiệm gây ra. 0, 5 điểm

+ Rút ra bài học nhận thức và hành động : nêu cao tinh thần trách nhiệm trong mọi hoàn cảnh, ở mọi ngành nghề, mọi cương vị.... 0,5 điểm

II. LÀM VĂN 6,0 điểm

a Yêu cầu về kỹ năng

Học sinh biết cách làm bài nghị luận văn học. Bài viết có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính

tả, từ ngữ, ngữ pháp.

B Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về ca dao yêu thương tình nghĩa, học sinh có thể làm bài theo những cách khác nhau, nhưng phải đảm bảo những yêu cầu về kiến thức.

Sau đây là một số gợi ý :

Giới thiệu bài ca dao 0,5 điểm

- Trong bài ca dao, cô gái bộc lộ nỗi niềm thương nhớ người yêu da diết, bồn chồn và nỗi niềm thấp thỏm lo âu cho hạnh phúc lứa đôi... 4,0 điểm

+ Nỗi thương nhớ được nói đến liên tiếp trong 10 dòng thơ 4 chữ . Điệp khúc “ thương nhớ ai ” được lặp lại nhiều lần trong bài ca dao, tập trung khắc họa nỗi nhớ thương trào dâng tha thiết, mãnh liệt trong lòng cô gái; cô gái hỏi khăn, hỏi đèn, hỏi mắt là để hỏi chính lòng mình...Nỗi niềm nhớ thương của cô gái đối với người yêu còn được biểu hiện một cách cụ thể, sinh động qua các biểu tượng khăn, đèn, mắt (Khăn, đèn đã được nhân hóa, còn mắt là phép hoán dụ);

+ Hai dòng lục bát cuối : nỗi niềm thấp thỏm lo âu “ không yên một bề ”

- Bài ca mang nhiều nét đặc trưng của nghệ thuật ca dao như : ngôn ngữ gần gũi với lời nói hằng ngày; hình ảnh nhân hóa, hoán dụ; dùng biểu tượng để bộc lộ tâm trạng nhân vật trữ tình; sử dụng nhiều hình thức điệp...

- Tình yêu chân thành, tha thiết, sâu sắc và cháy bỏng của người con gái trong bài ca dao đã tô đậm thêm nét đẹp tâm hồn của các cô gái Việt ở làng quê xưa. 1,0 điểm

Kết bài 0,5 điểm

ĐIỂM TOÀN BÀI THI : I + II = 10,00 điểm

----- HẾT -----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HỌC KỲ I

MÔN: NGỮ VĂN 10

Thời gian làm bài: 90 phút

ĐỀ BÀI:

Câu 1 (3,0 điểm) Cho đoạn văn sau:

“ Thêm một tuổi đời, vậy là cái tuổi ba mươi đâu còn xa nữa. Vài năm nua thôi mình sẽ trở thành một chị cán bộ già dặn đứng đắn Nghĩ đến đó mình thoáng thấy buồn. Tuổi xuân của mình đã qua đi trong lửa khói, chiến tranh đã cướp mất hạnh phúc trong tình yêu và tuổi trẻ. Ai lại không tha thiết với mùa xuân, ai lại không muốn cái sáng ngời trong đôi mắt và trên đôi môi căng mọng khi cuộc đời còn ở tuổi hai mươi? Nhưng... tuổi hai mươi của thời đại này đã phải đẹp lại những ước mơ hạnh phúc mà lẽ ra họ phải có...”

(Nhật kí Đặng Thùy Trâm – NXB Hội Nhà Văn, 2005)

I. Đoạn văn trên diễn tả tâm sự gì của tác giả?

2. Trong hai câu văn Ai lại không tha thiết với mùa xuân? Ai lại không muốn cái sáng ngời trong đôi mắt và đôi môi căng mọng khi cuộc đời còn ở tuổi 20? Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào ? Tác dụng của biện pháp tu từ đó?
3. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn?
4. Viết đoạn văn (từ 5 đến 7 dòng) Trình bày suy nghĩ của Anh (chị) về nội dung: Sống để tuổi thanh xuân có ý nghĩa?

Câu 2 (7,0 điểm) Cảm nhận bài thơ “ *Nhàn*” của nhà thơ Nguyễn Bình Kiêm.

*“Một mai, một cuốc, một cần câu,
Thơ thần dầu ai vui thú nào.
Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ,
Người khôn, người đến chốn lao xao.
Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.
Rượu, đến cội cây, ta sẽ uống,
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao .”*

(SGK Ngữ văn 10-NXB giáo dục 2006)

-Hết-

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm !
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HỌC KỲ I**
MÔN: NGỮ VĂN 10
Thời gian làm bài: 90 phút

HƯỚNG DẪN CHẤM:

(Hướng dẫn này gồm 03 trang)

A. HƯỚNG DẪN CHẤM CHUNG:

- Bài làm chỉ được điểm tối đa khi đảm bảo đủ các ý và có kỹ năng làm bài, có khả năng diễn đạt tốt.
- Khuyến khích những bài viết sáng tạo, có cách trình bày khoa học, chữ viết sạch đẹp.
- Điểm toàn bài là tổng điểm thành phần của từng câu, cho điểm lẻ đến 0,25.

B. HƯỚNG DẪN CHẤM CỤ THỂ:

Câu 1 (3,0 điểm):

Câu hỏi	Nội dung	Thang điểm
1	Đó là tâm sự của một bác sĩ trẻ giữa chiến trường ác liệt trong thời khắc của năm mới. Một tâm sự tiếc tuổi thanh xuân nhưng cũng sẵn sàng hiến dâng tuổi xuân.	0,5 đ

2	Hai câu: Ai lại không tha thiết với mùa xuân? Ai lại không muốn cái sáng ngời trong đôi mắt và đôi môi căng mọng khi cuộc đời còn ở tuổi hai mươi sử dụng câu hỏi tu từ. Mục đích: Nhấn mạnh, khẳng định và làm nổi bật khát vọng, sự tha thiết với mùa xuân, với tuổi trẻ ở mỗi người.	1,0 đ
3	Đoạn văn chủ yếu sử dụng phương pháp tự sự kết hợp với biểu cảm.	0,5 đ
4	<p>Yêu cầu về nội dung: Trình bày suy nghĩ của Anh (chị) về nội dung: Sống để tuổi thanh xuân có ý nghĩa? Bài làm của học sinh phải ngắn gọn súc tích. Phải khẳng định được vẻ đẹp của mùa xuân, ý nghĩa của tuổi trẻ. Từ đó nhận thức và hành động đúng đắn để sống có ích, tận hưởng và tận hiến cho cuộc đời.</p> <p>Yêu cầu về phương pháp: Học sinh có thể linh hoạt trong việc diễn đạt nội dung trên. Bố cục đầy đủ, có sử dụng phương thức biểu đạt nghị luận. Hành văn rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, dùng từ, chính tả.</p> <p>Biểu điểm: Điểm 3-4 đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Điểm 2-2.5 đảm bảo nội dung, mắc không quá 5 lỗi. Điểm 1- 1.5 có kể được kỷ niệm nhưng diễn đạt chưa rõ ý. Điểm 0.25- 0.5 viết được một vài dòng hoặc viết quá lủng củng, rình bày câu thả Điểm 0: Không viết được gì hoặc viết hoàn toàn lạc đề.</p>	1,0 đ

Câu 2 (7,0 điểm):

✓ **Yêu cầu về nội dung:**

* **HS nêu được cảm nhận của mình về bài thơ: Nhân của Nguyễn Bình Khiêm, cảm nhận thể hiện qua các nội dung sau:**

1. Vẻ đẹp cuộc sống của Nguyễn Bình Khiêm : (Câu 1 và 2, câu 5 và 6).

- Cuộc sống thuần hậu :

+Hiện lên trong câu thơ là một “lão nông tri điền” với những công cụ lao động quen thuộc: mai, cuốc, cày, trâu.

+Cách dùng số tính đếm rành rọt “Một..., một..., một...” cho thấy tất cả đã sẵn sàng chu đáo.

+Việc một Trạng Trình danh tiếng lầy lừng trở về với đời sống bình dị, dân dã: đào ao, cuốc đất cũng là một sự ngông ngạo trước thói đời. Ngông ngạo mà vẫn thuần hậu, nguyên thủy; “*Thơ thân dầu ai vui thú nào*” đạm bạc mà không khắc khổ, vẫn thanh cao.

- Cuộc sống thanh cao: (Câu 5 và 6).

+Sự đạm bạc là những thức ăn quê mùa, dân dã: măng trúc, giá đỗ; sinh hoạt bình dị như mọi người dân quê: tắm hồ, tắm ao.

+Hai câu thơ mà có một bộ tranh tứ bình về cảnh sinh hoạt với bốn mùa: xuân-hạ-thu-đông; có mùi vị có hương sắc, không nặng nề, không ảm đạm. Vì vậy cuộc sống đạm bạc nhưng

thanh cao trong sự trở về, hoà hợp với thiên nhiên.

2. Vẻ đẹp nhân cách, trí tuệ của Nguyễn Bình Khiêm : (câu 3 và 4, câu 7 và 8).

- Nhân cách Nguyễn Bình Khiêm đối mặt với danh lợi như nước với lửa. Sống cuộc đời ẩn sĩ, ông thoát ra ngoài vòng ganh đua của thói tục, để tâm hồn an nhiên khoáng đạt.
- “Vắng vẻ” đối lập với “lao xao”, “ta” đối lập với “người”. Đó cũng là sự đối lập của hai hoàn cảnh sống. “Nơi vắng vẻ” là nơi tĩnh tại của thiên nhiên, là nơi thanh thoi của tâm hồn. “Chốn lao xao” là nơi cửa quyền, là đường hoạn lộ nhiều đua chen, thủ đoạn...
- Hai chữ “đại” – “khôn” vừa thâm trầm vừa hóm hỉnh, thể hiện sự thư thái ung dung của Bạch Vân Cư Sĩ.
- Trạng Trình là một bậc thức giả với trí tuệ vô cùng tinh táo. Tinh táo trong sự chọn lựa: “*Ta đại, ta tìm nơi vắng vẻ - Người khôn, người đến chốn lao xao*”, “*Thơ thần dầu ai vui thú nào*”
- Với Nguyễn Bình Khiêm cái “Khôn” của người thanh cao là quay lưng lại với danh lợi, tìm sự thư thái cho tâm hồn, sống ung dung hoà nhập với tự nhiên.

*“Rượu đến cội cây, ta sẽ uống
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao”*

Cuộc sống nhàn dật này là kết quả của một nhân cách, một trí tuệ. Trí tuệ nhận ra công danh, của cải, quyền quý chỉ là giấc chiêm bao. Trí tuệ nâng cao nhân cách đều nhà thơ từ bỏ “chốn lao xao” quyền quý đến nơi vắng vẻ, đạm bạc mà thanh cao để di dưỡng tinh thần. Nguyễn Bình Khiêm nhàn thân mà không nhàn tâm, nhàn mà vẫn canh cánh nỗi niềm “ái quốc ưu dân”.

✓ ***Yêu cầu về phương pháp:***

- Bố cục đầy đủ, diễn đạt trôi chảy, mạch lạc. không mắc lỗi ngữ pháp, dùng từ, chính tả, trình bày rõ ràng.
- Có thể liên hệ, so sánh với các tác giả khác

✓ ***Biểu điểm:***

- **Điểm 6 – 7** : Bài làm mang chất văn, diễn đạt hay, giàu cảm xúc, thể hiện những sáng tạo và những cảm xúc chân thành ..
- **Điểm 4 – 5** : Bài có cảm xúc, lời văn hay nhưng còn sai từ 1-2 lỗi chính tả, dùng từ, diễn đạt
- **Điểm 3 – 2** : Bảo đảm nội dung đề ra ở mức trung bình, sai chính tả dưới 5 lỗi.
- **Điểm 2 -1** : Diễn đạt lộn xộn, sơ sài, chưa nắm vững nội dung tác phẩm, chưa có ý, sai chính tả nhiều.
- **Điểm 0** : chưa hiểu đúng yêu cầu đề ra, chưa viết trọn vẹn phần nào.

Đề 1:

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi cho bên dưới:

Có hai loại phản ứng tiêu cực tiêu biểu từ người ít đọc khi được khuyên đọc sách nhiều hơn:

"Đọc sách đâu bảo đảm thành công." - Một câu ngụ ý biện kinh điển của những người lười đọc.

"Sách chỉ khiến người ta mơ mộng hão huyền phi thực tế." - Phát biểu từ một người thiếu hiểu biết về sách. Đối với họ chắc sách chỉ có mỗi thể loại tiểu thuyết diễm tình huyền hoặc. Tôi không biết lần cuối cùng họ cầm một quyển sách tử tế trong tay là khi nào.

Rõ ràng là không phải ai đọc sách cũng thành công. Nhưng lại có một sự thực rõ ràng khác là những người thành công đọc rất nhiều sách. Một nghiên cứu được tiến hành trên 1.200 người giàu có nhất thế giới cho thấy: Điểm chung giữa những người này là họ tự giáo dục bản thân thông qua việc đọc sách. Bill Gates, Steve Jobs, Warren Buffet đều là những người đọc sách rất chuyên cần. Đọc sách không chắc sẽ giúp ta thành đạt trên đường đời, nhưng không có nó hầu như ta không thể thành người.

...Nhà văn J.K Rowling từng có lời khuyên cho người viết trẻ rằng nếu muốn viết tốt, hãy đọc càng nhiều càng tốt. Đọc mọi loại sách có thể. Đọc nhiều thì bạn sẽ phát hiện ra phong cách mà mình yêu thích, và tránh được các thể loại sách mà bạn cho là rác rưởi...

(Trích *Đọc sách như thế nào, Tuổi trẻ đáng giá bao nhiêu?*, Rosie Nguyễn, NXB Hội Nhà văn, 2017, tr 29-30) **Câu 1:** Đoạn trích sử dụng thao tác lập luận

chính là gì? (1.0 điểm)

Câu 2: Việc tác giả kể đến những cái tên như Bill Gates, Steve Jobs, Warren Buffet, J.K Rowling có tác dụng gì với đoạn trích? (1.0 điểm)

Câu 3: Đoạn trích trên gửi gắm thông điệp gì? (1.0 điểm)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Phân tích triết lý sống nhân của Nguyễn Bình Khiêm qua bài thơ *Nhàn*.

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. Đọc – hiểu	1	Thao tác lập luận chính: bác bỏ.	1.0
	2	Tác dụng của việc tác giả kể đến những cái tên như Bill Gates, Steve Jobs, Warren Buffet, J.K Rowling: - Tăng sức thuyết phục cho đoạn trích. - Làm dẫn chứng minh họa cho ý “những người thành công đọc rất nhiều sách”.	1.0
	3	Thông điệp của đoạn trích: - Khuyến mọi người cần đọc sách và lựa chọn sách để đọc.	1.0
II. Làm văn	a.	<i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0.25
	b.	<i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Triết lý sống nhân của Nguyễn Bình Khiêm qua bài thơ <i>Nhàn</i> .	0.5
	c.	<i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	5.5

<p>* Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận.</p> <p>* Phân tích bài thơ Nhân để làm sáng tỏ triết lý sống nhàn</p> <p>- 2 câu đề: Nhân là sống cuộc sống vui thú điền viên, thư thái, ung dung, tự tại</p> <p>- 2 câu thực: Nhân là tin vào sự lựa chọn của bản thân và hóm hỉnh mỉa mai quan niệm sống bon chen của thiên hạ □ Quan niệm “lánh đục về trong”.</p> <p>- 2 câu luận: Nhân là sống đạm bạc, thanh cao, hòa hợp với tự nhiên. - 2 câu kết: Nhân là coi thường danh lợi để giữ cốt cách trong sáng, thanh cao.</p> <p>* Đánh giá chung -</p> <p>Nội dung :</p> <p>Thể hiện vẻ đẹp cuộc sống , tâm hồn , cốt cách trong sạch của bậc danh nho ẩn sĩ . Đối với tác giả “nhàn” là một triết lý sống tìm yên vui , lạc thú cho bản thân , một thứ lạc thú cá nhân trong sạch .</p> <p>- Nghệ thuật :</p> <p>- Giọng thơ nhẹ nhàng , hóm hỉnh</p> <p>- Cách nói tự nhiên , linh hoạt biểu hiện niềm tin về lối sống mà tác giả tự lựa chọn</p> <p>□ <i>Nhàn không phải là thoát ly cuộc sống mà là thể hiện triết lý sống làm nổi bật nhân cách, đạo đức của người trí thức Nho giáo ngày xưa.</i></p>	<p>0.5</p> <p>3.5</p> <p>1,0</p> <p>0,5</p>
<p>d. <i>Chỉnh tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	<p>0.25</p>
<p>e. <i>Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	<p>0.5</p>

Đề 2:

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm) Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi cho bên dưới:

MƯỜI CÁI TRỨNG

Tháng giêng, tháng hai, tháng ba, tháng bốn, tháng khốn, tháng nạn

Đi vay đi dạm, được một quan tiền

Ra chợ Kê Diên mua con gà mái

Về nuôi ba tháng; hấn đẻ ra mười

trứng

Một trứng: ung, hai trứng: ung, ba trứng: ung,

Bốn trứng: ung, năm trứng: ung, sáu trứng: ung,

Bảy trứng: cũng ung

Còn ba trứng nở ra ba con

Con điều tha

Con quạ quắp

Con mặt cắt xoi

Chớ than phận khó ai ơi!

Còn da lông mọc, còn chồi nảy cây

(Ca dao Bình Trị Thiên)

Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ trong văn bản trên?

Câu 2: Nêu tác dụng của biện pháp liệt kê trong đoạn thơ sau:

Một trúng: ung, hai trúng: ung, ba trúng: ung,

Bốn trúng: ung, năm trúng: ung, sáu trúng: ung,

Bảy trúng: cũng ung

Câu 3: Trình bày suy nghĩ của anh/chị về thông điệp được gợi ra từ hai câu ca dao sau (viết khoảng 6 đến 8 dòng): *Chớ than phận khó ai ơi!*

Còn da lông mọc, còn chồi nảy cây

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Cảm nhận về đẹp bức tranh thiên nhiên trong bài thơ *Cảnh ngày hè* của Nguyễn Trãi"

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. Đọc – hiểu	1	Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật	1.0
	2	Biện pháp liệt kê chỉ ra <i>một trúng ung....bảy trúng cũng ung</i> trúng nhằm: - Tăng hiệu quả biểu đạt, giàu tính tạo hình và gây ấn tượng với người đọc, người nghe - Nói lên nỗi khổ của người lao động xưa với mắt mắt liên miên xảy ra và chồng chất những nhọc nhằn.	1.0
	3	Thông điệp có ý nghĩa nhất: - HS tự chọn một thông điệp ý nghĩa và giải thích lí do lựa chọn. - Gợi ý: hai câu thơ là bài ca về sự kiên trì chịu khó của con người trong mọi thời đại/ khó khăn chỉ là liều thuốc thử để đo nghị lực của con người...	1.0
II. Là m văn	a.	<i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0.25
	b.	<i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận :</i> Vẻ đẹp bức tranh thiên nhiên trong bài thơ <i>Cảnh ngày hè</i> của Nguyễn Trãi	0.5
	c.	<i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	5.5

	<p>* Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận.</p> <p>* Phân tích vẻ đẹp bức tranh thiên nhiên trong bài thơ <i>Cảnh ngày hè</i> - Hình ảnh quen thuộc, gần gũi và sinh động: hòe, sen, lựu, tiếng ve... - Màu sắc hài hòa, rực rỡ : màu lục của cây hòe, màu đỏ hoa lựu, màu hồng hoa sen, màu vàng của bóng chiều.</p> <p>- Âm thanh quen thuộc từ cuộc sống nhộn nhịp, sung túc qua tiếng <i>lao xao</i> chợ cá, và tiếng ve sầu kêu inh ỏi. - Hương thơm tinh khiết tỏa ngát từ hoa sen * Nhận xét:</p> <p>- Giọng thơ nhẹ nhàng, nhịp thơ chậm rãi, sử dụng từ láy, động từ mạnh, ngôn ngữ cô đọng, hàm súc.</p> <p>-Cảnh vật được nhìn từ xa đến gần, từ cao đến thấp để ôm trọn cảnh thiên nhiên vào lòng mình.</p> <p>- Đây là bức tranh đầy màu sắc, âm thanh, hài hòa đường nét và căng tràn nhựa sống được tác giả cảm nhận tinh tế bằng các giác quan: thị giác, thính giác, khứu giác... và cả tình cảm nồng nàn từ bên trong qua các động từ mạnh, từ Hán Việt: đùn đùn, giương, phun, tiễn...</p> <p>- Thể hiện tình yêu thiên nhiên nồng nàn tha thiết của tác giả và là cội nguồn của tình yêu nước. Đây là một đóng góp một bức họa đặc sắc về thiên nhiên mùa hè trong nền văn học trung đại.</p>	<p>0.5</p> <p>3.0</p> <p>1.0</p> <p>1.0</p>
	<p>d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	<p>0.25</p>
	<p>e. <i>Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	<p>0.5</p>

Đề 3:

I. ĐỌC HIỂU (3.0

điểm) Mẹ!

Có nghĩa là duy nhất

Một bầu trời

Một mặt đất

Một vầng trăng

Mẹ không sống đủ trăm năm

Nhưng đã cho con dư dả nụ cười tiếng hát [...] (1)

Mẹ!

Có nghĩa là ánh sáng

Một ngọn đèn thấp bằng máu con tim

Mẹ!

Có nghĩa là mãi mãi

Là cho - đi - không - đòi lại - bao giờ... (2)

(Trích “*Ngày xưa có mẹ*” - Thanh Nguyên)

Câu 1. Xác định phong cách ngôn ngữ và phương thức biểu đạt của đoạn trích trên. (1.0 điểm)

Câu 2. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ chính sử dụng trong khổ (1) của đoạn trích. (1.0

điểm) **Câu 3.** Viết một đoạn văn (khoảng 5-7 dòng) trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu thơ:

“Mẹ!/ Có nghĩa là ánh sáng/ Một ngọn đèn thấp bằng máu con tim”(1.0 điểm)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về hào khí Đông A được thể hiện trong bài thơ *Thuật hoài (Tỏ lòng)* của Phạm Ngũ Lão.

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC – HIỂU	3.0
	1	- Phong cách ngôn ngữ: <i>Nghệ thuật</i> - Phương thức biểu đạt: <i>Biểu cảm</i>	0.5 0.5
	2	- Biện pháp tu từ chính: Phép điệp/ Điệp từ. (“một”, “mẹ”, “có nghĩa là”) - Tác dụng: Khẳng định sự duy nhất và tầm quan trọng không thể thay thế của mẹ đối với cuộc đời con, cũng giống như trời đất, trăng sao – “chỉ có một trên đời”.	0.5 0.5
	3	- Mẹ mang cho con “ánh sáng”, đó là niềm tin, tình yêu thương dẫn lối cuộc đời con. - Mẹ thấp sáng đời con bằng “máu con tim”, bằng tấm lòng bao la và vĩnh cửu của người. Khẳng định: Tình mẹ bao giờ cũng cao cả, lớn lao, không gì đo đếm được. - Tiếng gọi “mẹ!” sẽ mãi mãi sống cùng năm tháng với con, sẽ không bao giờ tắt được trên thế gian khi tình cảm của con vẫn luôn dành cho mẹ với niềm kính trọng, yêu thương mãi mãi bất diệt với thời gian. Lưu ý: HS có thể trình bày theo cách của mình, chỉ cần hợp lý và thuyết phục thì chấm vẫn tối đa điểm.	0.25 0.25 0.5
		LÀM VĂN	7.0
II		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0.5
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Hào khí Đông A trong tác phẩm <i>Thuật hoài (Tỏ lòng)</i> của Phạm Ngũ Lão.	0.5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng	6.0

	- Giới thiệu tác giả Phạm Ngũ Lão và tác phẩm <i>Tỏ lòng</i> . - Hoàn cảnh sáng tác: Tương truyền bài thơ được sáng tác trước cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần 2, lúc đó Phạm Ngũ Lão cùng một số tướng lĩnh được cử đi trấn giữ biên cương. - Giải thích hào khí Đông A: Theo chữ Hán thì chữ Đông và chữ A ghép lại là chữ Trần; hào khí Đông A là hào khí thời Trần – khí thế mạnh mẽ, hùng dũng trong công cuộc chống giặc bảo vệ đất nước. - Cảm nhận hào khí Đông A thể hiện trong bài thơ “ <i>Tỏ lòng</i> ”: + Hình ảnh tráng sĩ nhà Trần hiên ngang, uy vũ, sánh ngang tầm vũ trụ. + Niềm tự hào trước sức mạnh và khí thế hào hùng của quân đội nhà Trần. + Khát vọng lập nhiều chiến công, cống hiến nhiều hơn cho đất nước. - Nghệ thuật: Giọng thơ hào hùng, mang cảm hứng tự hào, ngợi ca; bút pháp phóng đại; điển tích; đặt con người trong tương quan với vũ trụ... - Đánh giá: <i>Hào khí Đông A</i> làm nên chất anh hùng ca cho bài thơ <i>Tỏ lòng</i> , Phạm Ngũ Lão đã thể hiện rõ tấm lòng yêu nước và khát vọng chống giặc cứu nước.	0.5 0.5 0.5 3.0 0.5 0.5
	d. Sáng tạo - Ý mới mẻ, sâu sắc, biết liên hệ, so sánh	0.25
	e. Diễn đạt - Chính tả, dùng từ, đặt câu	0.25
Tổng		10.0

Đề 4:

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản và trả lời câu hỏi bên dưới:

*Cày đồng đang buổi ban trưa,
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng
cày.*

*Ai ơi, bưng bát cơm đầy, Dẻo thơm
một hạt, đắng cay muôn phần!*

(*Tục ngữ và ca dao Việt Nam*, NXB Giáo dục, 1999)

Câu 1: Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của văn bản. (1,0 đ)

Câu 2: Xác định biện pháp tu từ và nêu tác dụng của nó trong hai câu thơ: (1,0 đ)

*Cày đồng đang buổi ban trưa,
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng
cày.*

Câu 3: Nêu thông điệp được rút ra từ văn bản(1,0 đ).

II . Phần Làm văn (7 điểm)

Vẽ đẹp của lối sống *nhàn* của Nguyễn Bình Khiêm qua bài thơ cùng tên.

ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm):

Câu	Nội dung	Điểm
1	Xác định thể thơ của văn bản : lục bát Phương thức biểu đạt chính : biểu cảm	0,5 0,5
2	Xác định biện pháp tu từ : so sánh Nêu tác dụng : So sánh mồ hôi thánh thót như mưa, người nông dân đã muốn diễn tả cụ thể nỗi khó nhọc, vất vả của công việc mình làm. Bên cạnh đó từ láy thánh thót gợi lên hình ảnh từng giọt mồ hôi rơi xuống liên tục, giọt ngắn giọt dài ; cách dùng từ ngữ ,hình ảnh một cách cụ thể sinh động, gợi hình, gợi cảm.	1,0
3	Thông điệp của văn bản :hãy nhớ và biết ơn những người nông dân đã vất vả cực nhọc để làm nên hạt gạo nuôi sống mọi người	1,0
	Tổng điểm	3,0

Phần II. Làm văn (7,0 điểm):

Câu	Nội dung	Điểm
	Vẽ đẹp của lối sống <i>nhàn</i> của Nguyễn Bình Khiêm qua bài thơ <i>Nhàn</i>	
	a) Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận. Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0,5
	b) Xác định đúng vấn đề cần nghị luận. Cảm nhận Vẽ đẹp của lối sống <i>nhàn</i>	0,5
	c) Triển khai vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp: * Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm. (0,5đ) * Cảm nhận : – Vẽ đẹp của lối sống thanh nhàn qua bài thơ:	5,0
	+ Bản chất của chữ nhàn: Lối sống, phong thái thanh thoi, tự tại, không vương bận, sống hoà hợp với thiên nhiên, tránh xa vòng danh lợi. (1,0) + Vẽ đẹp của lối sống nhàn thể hiện qua: (cuộc sống trong lao động, cách chọn nơi ở, ăn uống, sinh hoạt, cách hưởng thụ, cách ứng xử) (3,0) – Bàn luận : Lối sống nhàn trong thời đại của Nguyễn Bình Khiêm là lối sống tích cực (1,0)	
	d) Sáng tạo. Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm,...) ; thể hiện được quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0,5
	e) Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo đúng chuẩn tiếng Việt.	0,5
	Tổng điểm	7,0

Đề 5:

I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

Con tôi sẽ phải học tất cả những điều này. [...] Rằng cứ mỗi một kẻ thù ta gặp ở nơi này thì ở nơi khác ta lại tìm thấy một người bạn. Bài học này sẽ mất nhiều thời gian, tôi biết, nhưng xin thầy hãy dạy cho cháu hiểu rằng một đồng đô-la kiếm được do công sức của mình bỏ ra còn quý hơn nhiều so với năm đô-la nhặt được trên hè phố...

Xin hãy dạy cho cháu cách chấp nhận thất bại và cách tận hưởng niềm vui chiến thắng. Xin hãy dạy cho cháu tránh xa sự đố kỵ. Xin dạy cho cháu biết được bí quyết của niềm vui thâm lặng. Dạy cho cháu rằng những kẻ hay bắt nạt người khác là những kẻ dễ bị đánh bại nhất...

(Trích thư của Tổng Thống Mĩ Lin-Côn gửi thầy hiệu trưởng của con trai mình, trong *Những câu chuyện về người thầy*).

- Xác định phong cách ngôn ngữ của đoạn văn bản?
- Chỉ ra những biện pháp nghệ thuật và tác dụng của những biện pháp nghệ thuật ấy?
- Nêu nội dung của đoạn văn bản?

II. Làm văn (7 điểm)

Quan niệm sống nhân của Nguyễn Bình Khiêm trong bài thơ “Nhân” (Ngữ Văn 10, tập 1)

*** Đáp án – Biểu điểm**

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
Đọc hiểu	1	Phong cách ngôn ngữ: sinh hoạt	1 điểm
	2	Những biện pháp nghệ thuật: liệt kê, lặp cấu trúc, so sánh, đối lập. -Tác dụng: Lòng mong mỏi tha thiết của người cha xin thầy dạy con mình thành nhân trong cuộc đời.	1 điểm
	3	Nội dung: Mong thầy dạy con biết sống tự trọng với bản thân và với người khác	1 điểm
Làm văn		Bài làm có hình thức của một bài văn hoàn chỉnh, có đầy đủ bộ cục 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài, biết cách làm bài văn Nghị luận văn học.	0.5 điểm
		Xác định đúng trọng tâm yêu cầu đề: Quan niệm sống nhân của Nguyễn Bình Khiêm trong bài thơ Nhân	0.5 điểm

<p>HS được tự do và sáng tạo lựa chọn hình thức bài văn để trình bày cảm nhận của cá nhân, sau đây là vài gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none">- Giới thiệu về tác giả, tác phẩm: Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm với bài thơ Nhân, bài thơ Nôm Đường luật tiêu biểu thể hiện triết lý sống của tác giả.- Vẻ đẹp của lối sống nhân:<ul style="list-style-type: none">+ Một vị quan của triều đình, chấp nhận từ bỏ tất cả để làm một <i>lão nông canh điền</i> trong cuộc sống <i>tự cung tự cấp</i> với thái độ ung dung tự tại. Cách đếm, nhịp thơ cho thấy thái độ <i>thơ thẩn</i> của tác giả đối lập <i>dầu ai vui thú nào</i>+ Sống thuận theo tự nhiên với triết lý vô vi, mùa nào thuận theo mùa đó, hòa hợp với thiên nhiên - Vẻ đẹp của nhân cách nhân:+ Tác giả tự nhận mình đại để tìm về nơi vắng vẻ, mặc ai kia khôn tìm đến chôn lao xao+ Cách nói ngược thể hiện một bản lĩnh sống, một nhân cách sống cao cả - Vẻ đẹp của trí tuệ nhân: Nhận ra phú quý chỉ là chiêm bao thoáng qua, hư ảo, chóng tàn.	<p>5.0 điểm</p> <p>1 điểm</p> <p>1.5 điểm</p> <p>1.5 điểm</p> <p>1 điểm</p>
<p>Bài làm có sự sáng tạo trong cách thức trình bày hoặc cảm xúc bài làm chân thành, cảm động, văn trôi chảy, hay.</p>	<p>1 điểm</p>

Đề 6:

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi cho bên dưới:

*Tổ quốc là tiếng mẹ
Ru ta từ trong nôi
Qua nhọc nhằn năm tháng
Nuôi lớn ta thành người*

*Tổ quốc là mây trắng
Trên ngút ngàn Trường Sơn
Bao người con ngã xuống
Cho quê hương mãi còn*

*Tổ quốc là cây lúa
Chín vàng mùa ca
dao Như dáng người
thôn nữ Nghiêng vào
mùa chiêm bao*

...
*Tổ quốc là tiếng trẻ
Đánh vắn trên non
cao Qua mưa ngàn,
lũ quét
Mắt đỏ hoe đồng dao*

*Tổ quốc là câu hát
Chảy bao miền sông quê
Quan họ rồi ví dặm
Nước non xưa vọng về*

*Tổ quốc là tiếng mẹ
Trải bao mùa bão giông
Thấp muôn ngọn lửa ấm
Trên điệp trùng núi sông...*

(*Tổ quốc là tiếng mẹ*, Trích *Tổ quốc nhìn từ biển*, Nguyễn Việt Chiến, NXB Phụ nữ, 2015)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính và phong cách ngôn ngữ của đoạn trích? (1,0 điểm)

Câu 2: Tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ chính được sử dụng trong đoạn trích? (1,0 điểm)

Câu 3: Viết đoạn văn ngắn 5-7 dòng, nêu cảm nhận của anh/chị về ý kiến “*Tổ quốc là tiếng mẹ*” trong đoạn trích? (1 điểm)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Phân tích Truyện cổ tích Tấm Cám để làm sáng tỏ tính hấp dẫn của truyện cổ tích “chính ở chỗ đã chiếu rọi ánh sáng lạc quan tin tưởng vào cuộc sống” (Ngữ Văn 10, tập 1, NXB Giáo dục, 2000, trg 38)

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. Đọc – hiểu	1	Phương thức biểu đạt: biểu cảm. Phong cách ngôn ngữ: nghệ thuật.	1.0
	2	- Biện pháp tu từ: lập cú pháp “Tổ quốc là tiếng mẹ”, hoặc liệt kê “tiếng mẹ, mây trắng, cây lúa...” - Tác dụng: nhấn mạnh cảm xúc và biểu hiện giản dị của Tổ quốc, đó là tiếng nói, là những chất phác, mộc mạc của cuộc đời xung quanh.	1.0
	3	- Yêu cầu hình thức: giải thích, HS có thể gạch đầu dòng tách ý. - Yêu cầu nội dung, gợi ý: + “Tổ quốc là tiếng mẹ” – Tiếng mẹ là âm điệu, ngôn ngữ, giọng nói... + Tổ quốc biểu hiện giản dị và gắn bó mộc mạc với mỗi người. Nên có tình cảm yêu quý và gìn giữ những giá trị ngôn ngữ của “tiếng mẹ”.	1.0
II. Làm văn	a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.		0.25

<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích vào nhận định: sự hấp dẫn của cổ tích bởi lẽ, đã cho thấy sức sống và tinh thần vươn lên gian khó của người Việt xưa. - Cảm nhận vào cuộc chiến thắng cái ác, sức sống bền bỉ của Tấm để chứng minh. 	<p>0.5</p>
<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	<p>5.5</p>
<p>* Giải thích nhận định:</p> <p>Tính hấp dẫn của truyện cổ tích “chính ở chỗ đã chiếu rọi ánh sáng lạc quan tin tưởng vào cuộc sống”</p>	<p>0.5</p>
<p>Ánh sáng lạc quan thể hiện qua niềm tin vào bản thân của nhân dân lao động, là những nỗ lực làm việc và thể hiện phẩm chất tốt đẹp. Ánh sáng lạc quan đã chấp cánh cho ước mơ của họ bay lên, sinh động, đẹp đẽ.</p> <p>* Chứng minh qua chuyện cổ tích Tấm Cám.</p> <p><i>Thế giới hiện thực của chuyện cổ tích đã phản ánh cuộc đời khốn khó, nhỏ bé, bị cai trị và áp bức của nhân dân lao động. Thân phận và cuộc đời của Tấm chính là một hiện thực cổ tích.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Thân phận và cuộc đời bất hạnh của Tấm phản ánh những số phận nhỏ nhoi, yếu ớt trong cổ tích. + Những mâu thuẫn của Tấm và mẹ con Cám và hành trình Tấm từ cô gái mồ côi trở thành hoàng hậu. <p>Tấm bị bóc lột công sức lao động, bị lấy mất yếm đỏ. Bị đè nén về tinh thần, ngăn cản cả những yêu thương của Tấm với cá bống. Bị ngăn cản đến với ước mơ và những mong muốn đơn giản của đời thường, đi ghè không cho Tấm đi hội.</p> <p>Yếu tố thần kì xuất hiện, giải quyết bế tắc của nhân vật và thúc đẩy câu chuyện phát triển.</p> <p><i>Tính hấp dẫn của chuyện cổ tích chính ở chỗ đã chiếu rọi ánh sáng lạc quan tin tưởng vào cuộc sống”</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Tấm chết, 4 lần hóa thân để trở về, tìm kiếm tình yêu và đấu tranh giành lại hạnh phúc. + Kết thúc truyện, Tấm chọn hiện thực để được yêu thương và sống hạnh phúc. <p>* Đánh giá chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý kiến đã khái quát giá trị nội dung và sức sống bền bỉ của truyện cổ tích. Chính tinh thần lạc quan và khát vọng sống của họ đã tạo nên những ông Bụt, bà Tiên và các chi tiết thần kì như một động lực, niềm tin vào tương lai để đi tới. - Các chi tiết kì ảo, lực lượng thần kì không chỉ xuất hiện để xử lý bế tắc của nhân vật nhưng từ chính mỗi nhân vật đã nỗ lực sống, không từ bỏ ước mơ và lao động chăm chỉ đã tìm kiếm và tạo dựng ước mơ cho mình. 	<p>4.0</p> <p>1.0</p> <p>1.0</p>

d. <i>Chỉnh tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chỉnh tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0.25
e. <i>Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.5

Đề 7:

PHẦN I: ĐỌC HIỂU

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

*Thời gian như chuyển tốc hành
Mang theo lá đỏ và anh trở về
Tóc xanh vừa lồi lờ thề
Thoắt thành mây trắng cuối hè bay ngang*

*Ngu ngơ chạm phải ao làng
Sen chưa kịp hái đã tàn trên tay
Trái đất ơi, ngược vòng quay
Cho ta nhật lại cái ngày đầu tiên.*

(*Bài Thơ Thời Gian*, PGS.TS Lê Quốc Hán,
Tuyển tập Thơ lục bát Việt Nam, NXB Văn hóa thông tin, 1994)

Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ của đoạn thơ trên?

Câu 2: Những từ ngữ chỉ màu sắc trong bài thơ có tác dụng gì?

Câu 3: Cảm nhận của anh/ chị về những câu thơ sau:

*Ngu ngơ chạm phải ao làng
Sen chưa kịp hái đã tàn trên*

tay Trái đất ơi, ngược vòng quay

Cho ta nhật lại cái ngày đầu tiên

Phần II. Làm văn (7,0 điểm) Cảm hứng nhân đạo trong bài thơ “*Độc Tiểu Thanh kí*” của Nguyễn Du.

PHẦN HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm): Phong cách ngôn ngữ: *Nghệ thuật*.

Câu 2 (1,0 điểm): Những từ chỉ màu sắc: *lá đỏ, tóc xanh, mây trắng*.

- Tác dụng: Gợi sự mong manh, héo tàn trước thời gian của tuổi trẻ, tình yêu, cái đẹp.
- Câu 3 (1,0 điểm):** HS có thể cảm nhận theo một trong những ý sau:
- Khi nhận ra quy luật khắc nghiệt, tất yếu của thời gian, trong một thái độ chấp nhận và tự chủ, con người bỗng nhiên có cảm giác thư thái, nhẹ nhõm.
- Biết trân quý từng phút giây của sự sống để có thái độ sống tích cực trong cuộc đời.

Phần II. Làm văn (7,0

điểm) Yêu cầu chung:

HS hiểu vấn đề, có ý thức bám sát nội dung của một bài văn nghị luận văn học.

Yêu cầu cụ thể:

- a. **Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh sáng tạo (0,5 điểm):** Bài làm rõ 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài; trong đó, phần thân bài phải có sự tách ý, chuyển ý rõ ràng, hợp lí, kể chuyện hợp logic.
- b. **Xác định đúng vấn đề cần thuyết minh (0,5 điểm):** cảm nhận về cảm hứng nhân đạo trong tác phẩm “Độc Tiểu Thanh kí” của Nguyễn Du.
- c. **Chia vấn đề cần thuyết minh thành các luận điểm phù hợp (5,0 điểm):** HS có thể cảm nhận cảm hứng nhân đạo của bà thơ “Độc Tiểu Thanh kí” theo nhiều cách khác nhau, nhưng đáp ứng được những nội dung như sau:
 - + Triết lí về số phận con người trong xã hội phong kiến: Tài hoa bạc mệnh, tài mệnh tương đố, hồng nhan đa truân... □ Sự xót xa cho những người vì sắc vì tài mà bị hủy hoại.
 - + Đau đớn, phẫn uất trước một thực tế vô lí: Người có sắc thì bất hạnh, nghệ sĩ có tài thường cô độc. Vì có "nét phong nhã" mà mắc "oan khiên" thì thật là điều nghịch lí, trái ngang của cuộc đời □ Sự đồng cảm sâu sắc của Nguyễn Du với nàng Tiểu Thanh và những người nghệ sĩ, thi sĩ.
 - + Nguyễn Du khóc nàng Tiểu Thanh và khóc cho chính mình: Tình cảm, cảm xúc thương thương mình, thương người trào lên mãnh liệt không kìm nén được □ Nỗi cô đơn của nghệ sĩ lớn "Tiếng chim cô lẻ giữa trời thu khuya" (Xuân Diệu).
- d. **Sáng tạo (1,0 điểm):** Diễn đạt chuẩn, độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm,...).

Đề 8

PHẦN I: ĐỌC – HIỂU (3 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ 1 đến

3: *Bạn hãy nói cho tôi biết chăng, về họ tên mà tôi đã mang, Về miền quê mà tôi ngày đêm luôn nhớ mong. Lòng tôi mong biết đất nước tôi, đất nước đã có bao đời, Được nhìn bằng đôi mắt của mình được trở về cội nguồn của tôi Và qua phim Coppola, lòng thấy xót thương quê hương. Bầy trực thăng bay trên cao, tàn phá xóm thôn nhỏ bé. Ước mong về thăm chốn thiêng, Mong sao quê hương dang tay đón tôi. Mong ước đến ngày trở về, Lòng tôi yêu mến, Việt Nam.*

Bạn hãy nói tôi mái tóc đen, tôi đôi chân nhỏ bé, Và màu da đã ngày đêm cùng tôi lớn lên. Và mong sao đôi chân sẽ bước lên, Từ những nơi tôi chưa từng đến.

Để được nghe bài dân ca êm dịu lướt trên sóng. Và tôi mới biết, về đất nước tôi qua phim.

Người dân quê hương tôi cày cấy, vui trong lời hát. Ước mong về thăm đất nước tôi.

.....
. Lòng tôi yêu mến Việt Nam.

Lòng tôi vang tiếng Việt Nam.

Lòng tôi xin chào Việt Nam.

(Lời dịch bài hát *Xin chào Việt Nam*, ca sĩ Phạm Quỳnh Anh thể hiện)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt và phong cách ngôn ngữ trong đoạn thơ trên? (1,0 điểm)

Câu 2: Tìm những từ/ cụm từ thể hiện tình cảm của tác giả đối với quê hương? (1,0 điểm)

Câu 3: Viết một đoạn văn khoảng 5-7 dòng trình bày suy nghĩ của anh (chị) về ý nghĩa của 2 câu thơ sau (1,0 điểm): *Bạn hãy nói tới mái tóc đen, tới đôi chân nhỏ bé, Và màu da đã ngày đêm cùng tôi lớn lên.*

PHẦN II: LÀM VĂN (7 điểm)

Anh/chị hãy cảm nhận triết lý sống của Nguyễn Bình Khiêm qua đoạn trích sau:

*Một mai, một cuộc, một căn
câu, Thơ thần dầu ai vui thú
nào.*

*Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ,
Người khôn, người đến chốn lao xao.*

(Nguyễn Bình Khiêm, *Nhàn*, Ngữ Văn 10, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam)

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I.Đọc – hiểu	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên là: biểu cảm Phong cách ngôn ngữ của đoạn văn bản là phong cách ngôn ngữ nghệ thuật	0.5 0.5
	2	Những từ/ cụm từ thể hiện tình cảm của tác giả đối với quê hương: nhớ mong, xót thương quê hương, yêu mến, ước mong về thăm, yêu mến Việt Nam.	1.0
	3	Học sinh có nhiều cách viết đoạn văn nhưng cần diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, xác định đúng vấn đề của câu thơ đó là tự hào về nguồn gốc của bản thân từ đó khơi gợi tình yêu về cội nguồn làm cơ sở cho tình yêu quê hương, đất nước ở mỗi con người Việt Nam - Hs có thể liên hệ bản thân gắn gọn từ ý trên.	1.0
II.Làm m văn	a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.		0.25
	b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> triết lý sống của Nguyễn Bình Khiêm qua 4 câu đầu của bài thơ <i>Nhàn</i>		0.5
	c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:		5.5

* Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận.	0.5
* Phân tích đoạn thơ để làm sáng tỏ: triết lý sống của Nguyễn Bình Khiêm qua 4 câu đầu của bài thơ <i>Nhàn</i>	3.0
- Mai, cuộc dựng cụ của nhà nông; cần câu để câu cá thể hiện nếp sống thanh bản của nhà nho khi ở ẩn.	
- Số từ “một” điệp lại ba lần -> Mọi thứ đều đã sẵn sàng, chu đáo.	1.0
- “Thơ thân”: trạng thái mơ màng, mông lung, nghĩ ngợi ko tập trung vào một cái gì rõ rệt, cứ thoáng gần- xa, mơ- tỉnh. □	
□□□ lối sống nhân của tác giả: thư thái, thanh nhàn.	0.5
- Đại từ phiếm chỉ “ai” □ người đời. □ những kẻ bon chen trong vòng danh lợi.	
- Nhịp thơ: 2/2/3 □□ sự ung dung, thanh thản của tác giả.	0.5
* Đánh giá chung: =>Hai câu thơ đầu miêu tả cuộc sống thuận hậu, nhàn tản với tâm trạng ung dung thanh thoi không vướng bận trước cơ mưu, tư dục , tránh sự bon chen trong vòng danh lợi.	
d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0.25
e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.5

ĐỀ 9

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi cho bên dưới:

“...Người ta cứ nghĩ mùa thu là mùa của tàn phai. Mùa của nỗi buồn vụn vỡ như từng hạt mưa rơi chậm trên mái nhà. Mùa thu không buồn đến thế. Mình nghĩ mùa thu là mùa xuân thứ hai của đời người, bởi vì đất trời nở hoa bằng những chiếc lá vàng bay. Mùa thu, là mùa xuân thứ hai của cuộc đời, có nghĩa là chúng ta đã đi qua thời thanh xuân bóng chày, mùa hạ nóng nản để đến đây! Mùa thu làm chúng ta trở nên đậm thắm hơn...”

(Trích “Thương” của Nguyễn Bảo Trung – trang 74, NXB Hội Nhà Văn,

20/8/2019)

Câu 1: Tìm những cụm từ miêu tả về mùa thu (1 điểm)

Câu 2: Tác dụng của phép điệp trong đoạn trích ? (1 điểm)

Câu 3: Thông điệp mà tác giả gửi gắm trong đoạn trích? (1 điểm)

Phần II. Làm văn (7,0 điểm) Cảm nhận về đẹp của bức tranh thiên nhiên ngày hè trong “Cảnh ngày hè” – Nguyễn Trãi.

HƯỚNG DẪN CHẤM, BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.0
	1	Những cụm từ miêu tả về mùa thu: “là mùa của tàn phai”; “đất trời nở hoa”; “chiếc lá vàng bay”...	1,0

2	Tác dụng của phép điệp trong đoạn trích: Nhấn mạnh vẻ đẹp về mùa thu và những đặc sắc của mùa thu mà không mùa nào có được.	1,0
3	Thông điệp mà tác giả gửi gắm trong đoạn trích: Hãy có cái nhìn, có cách cảm nhận sâu sắc về mùa thu, để đến được mùa thu chúng ta phải đi qua mùa xuân và mùa hạ, và con người cũng thế, trải qua năm tháng và những thăng trầm thì trở nên đẹp một cách đậm thắm hơn.	1,0
II	LÀM VĂN	7,0
	Cảm nhận về đẹp của bức tranh thiên nhiên ngày hè trong “Cảnh ngày hè” – Nguyễn Trãi.	
	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận	0,5
	Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	0,5
	Vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên ngày hè trong “Cảnh ngày hè” – Nguyễn Trãi.	
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai các luận điểm (trong đó phải có thao tác phân tích, bình luận); biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng.	5,0
	c.1/ Giới thiệu về tác giả, tác phẩm; nêu vấn đề cần nghị luận	1,00
	c.2/ Cảm nhận nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ: - Vẻ đẹp rực rỡ của bức tranh thiên nhiên Bức tranh tả thực rất sinh động và đầy sức sống : + Tính sinh động : _ Đường nét : _ Màu sắc : Đỏ của hoa lựu, màu xanh của cây hoè, màu hồng của hoa sen _ Âm thanh : tiếng ve dăng dỏi ,tiếng lao xao của chợ cá _ Âm thanh của làng chài -Thời gian : cảnh vật ở cuối ngày (lều tịch dương) nhưng sự sống không ngừng lại _ Động từ : <i>Đùn đùn ,giương ,phun ...</i> nghư thổi thúc ,căng tràn không kim lại được ,phải giương ra ,phun ra hết lớp này đến lớp khác _ Hình ảnh đặc trưng : Thạch lựu ,sen ngát mùi _ Cách ngắt nhịp :3/4 chứ không phải 4/3 của thơ Đường luật đã gây sự chú ý cho người đọc ,làm nổi bật cảnh vật mùa hè : <i>Thạch lựu hiên /còn phun thức đỏ Hồng liên trì / đã tiễn mùi hương</i> + Sự giao cảm mạnh mẽ nhưng tinh tế của nhà thơ đối với cảnh vật :	4,0

	<p>Tác giả đón nhận cảnh vật bằng mọi giác quan : Thị giác ,thính giác ,khứu giác và cả sự liên tưởng tinh tế</p> <p>Phun (động từ mạnh) + Thức (Màu vẽ ,dáng vẽ) thì câu thơ nghiêng về trạng thái tinh thần của cảnh vật chứ không là màu sắc đơn thuần</p> <p>b) Vẻ đẹp thanh bình của bức tranh đời sống con người :</p> <p style="text-align: center;"><i>“Lao xao chợ cá làng ngư phủ, Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương”</i></p> <p>- Lao xao chợ cá: âm thanh vọng lại từ phía chợ cá của làng chài</p> <p><input type="checkbox"/> Âm thanh đặc trưng của cuộc sống vui tươi, thanh bình</p> <p>- Dắng dỏi cầm ve: tiếng ve râm ran trong chiều tà như tiếng đàn lãnh lót vang dội lên</p> <p><input type="checkbox"/> Âm thanh đặc trưng của ngày hè, cảnh vật như rộn lên sự sống, niềm vui</p> <p>=> Bức tranh mùa hè sinh động và tràn đầy sức sống: có sự kết hợp của đường nét, màu sắc, âm thanh, con người và cuộc sống</p> <p>→ <i>Cả thiên nhiên và cuộc sống con người đều tràn đầy sức sống. Điều đó cho thấy một tâm hồn khát sống, yêu đời mãnh liệt và tinh tế, giàu chất nghệ sĩ của tác giả.</i></p> <p>- + Đắm mình trong cảnh ngày hè, nhà thơ ước có cây đàn của vua Thuần, gây khúc Nam phong cầu mưa thuận gió hoà để "Dân giàu đủ khắp đời phương".</p> <p>+ Lấy Nghiêu, Thuần làm "gương báu răn mình", Nguyễn Trãi đã bộc lộ chí hướng cao cả : luôn khao khát đem tài trí để thực hành tư tưởng nhân nghĩa yêu nước thương dân.</p>	
	d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,5
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,5
	ĐIỂM TOÀN BÀI THI : I + II = 10,00 điểm.	